

Phụ lục 3.13

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND thành phố Kon Tum (trước sắp xếp)

(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tổng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tổng thu, TKC...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							5,979,353	5,025,250	182,081	81,999	1,724,617	486,900	1,174,039	63,678	632,969	77,040	549,822	6,107	
A	NHIỆM VỤ CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH											7,000		5,000	2,000	2,000		1,000	1,000	
1	Ủy thác qua ngân hàng chính sách	NHCSXH chi nhánh tỉnh Kon Tum	NHCSXH chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi									500			500	500			500	
2	Quỹ hội nông dân	Hội Nông dân thành phố Kon Tum	Hội Nông dân tỉnh Quảng Ngãi									1,500			1,500	500			500	
3	Chi đo đạc, đăng ký đất đai..., chỉnh lý hồ sơ địa chính	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường									5,000		5,000		1,000		1,000		
B	DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN, XÃ (CŨ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VỀ CẤP XÃ (MỚI)							5,979,353	5,025,250	182,081	81,999	1,678,217	486,900	1,129,639	61,678	231,023	77,040	148,876	5,107	HTMT
I	Phường Kon Tum							1,176,503	607,457	39,451	32,781	479,408	238,633	220,056	20,719	43,900	28,413	15,487		
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							89,262	89,262	39,451	32,781	44,027	4,319	39,174	534	6,903	2,903	4,000		
1	Trường TH Lê Hồng Phong	Ban QLDA TP	UBND Phường Kon Tum	C	P Quyết Thắng	2020-2020	2999-31/7/2019	9,700	9,700	7,795	1,125	1,416	1,416							
2	Sửa chữa các hạng mục công trình giao thông đã bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP Kon Tum	2020-2021	2996-31/7/2019	5,680	5,680	4,844	4,844	11		11						
3	Cải tạo nâng cấp đường Bà Triệu (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Thắng Lợi	2020-2021	2988-31/7/2019;2512-02/8/2021	26,348	26,348	3,689	3,689	21,350		21,350		4,000		4,000		
4	Trường THCS Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Thống Nhất	2020-2021	2994-31/7/2019	12,000	12,000	3,950	3,950	7,350		7,350						
5	San lấp mặt bằng khu đất công viên cây xanh có ký hiệu CV1, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2022-2023	2883-13/9/2018	4,862	4,862			4,862	2,903	1,959		2,903	2,903			
6	Đường Trần Nhân Tông (đoạn Lê Hồng Phong - Phan Đình Phùng), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quang Trung	2019-2022	3245-25/10/18	20,085	20,085	16,001	16,001	2,076		2,076						
7	Cải tạo, sửa chữa công viên 02-9, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2020-2022	1923-27/7/2020	10,587	10,587	3,172	3,172	6,428		6,428						
8	Cải tạo nâng cấp đường Bà Triệu (đoạn Mạc Đình Chi - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	Tp Kon Tum		5281-16/7/2010					336			336					
9	Trường THCS Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P Trường Chinh	2020-2021						198		198						
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							979,189	421,181			429,352	234,314	174,853	20,185	36,997	25,510	11,487		
1	Đường Ngô Quyền (đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Bình Khiêm), thành phố Kon Tum; hạng mục: Mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước	Ban QLDA TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2023-2024	3090-01/12/2020	2,600	1,483			1,380	1,380							

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện		Ngân sách huyện		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)
2	Đường Nguyễn Bình Khiêm kết hợp sửa chữa một số nút giao thông tại khu vực Trung tâm phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2023-2024	3091-01/12/2020;1577-31/7/2023	2,600	2,600			1,941	1,941							
3	Đường Lê Lai (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Nguyễn Hữu Cầu)	Ban QLDA TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	2024-2025	3100-01/12/2020	3,382	3,382			2,870	2,870							
4	Sửa chữa tuyến đường Nông Quốc Chấn (đoạn từ nhà ông A Rich cho đến đường Đào Duy Từ), thôn Kon Tum KoNâm, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum	UBND P. Thống Nhất	UBND phường Kon Tum	C	P. Thống Nhất	2022-2022	3720-18/10/2021	1,258	1,258			1,000	1,000							
5	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum.	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP Kon Tum	2025-2025	4466-28/11/2021	6,208	5,898			5,898	5,674	224	5,674	5,674				
6	Sửa chữa các trường học chuẩn bị năm học mới 2021-2022	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2022	3433-23/12/2020	9,900	9,900			9,700		9,700						
7	Cổng điện trang trí một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021	3431-23/12/2020	6,955	6,955			6,090		6,090						
8	Lắp đặt trụ, bảng tên đường một số tuyến đường mới đặt tên (Đợt 7) trên địa bàn thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021	3434-23/12/2020	650	650			650		650						
9	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Lê Hồng Phong (đoạn Trường Chinh - Bạch Đằng), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	B	TP. Kon Tum	2023-2025	204-25/01/2021	119,216	30,363			75,926	56,400	19,526	10,555	10,555				
10	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Trần Phú (đoạn Trường Chinh - Nguyễn Huệ), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2023-2025	205-25/01/2021	77,654	18,878			52,509	52,509							
11	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Bà Triệu (đoạn Hoàng Thị Loan - Nguyễn Viết Xuân), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	B	TP. Kon Tum	2021-2023	206-25/01/2021	102,389	26,131			43,511	43,511							
12	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Nguyễn Huệ (đoạn Phan Đình Phùng - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2023-2025	1551-28/7/2023	97,149	96,087			71,869	44,485	27,384	8,223	8,223				
13	Đầu tư mua sắm trang bị phòng máy vi tính để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Phòng GD&ĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2021	1660-01/6/2021	2,300	2,300			2,275		2,275						
14	06 cổng điện trang trí một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2022	2636-6/8/2021	7,473	7,473			6,751		6,751						
15	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học Mạc Đình Chi, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2021-2022	2637-6/8/2021	11,000	11,000			10,500		8,711	1,789	3,613		3,613		
16	Trường TH-THCS Trường Sa (cơ sở cấp Tiểu học), thành phố Kon Tum, hạng mục: Nhà học 05 phòng và một số hạng mục phụ trợ	Phòng Giáo dục - ĐT	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	2022-2022	3743-18/10/2021	3,700	3,700			3,615		3,615						
17	Lắp đặt hệ thống đèn Led trang trí trên các trụ điện chiếu sáng công lộ dọc đường Phan Đình Phùng (đoạn từ Cầu Đăk Bla đến bến xe Kon Tum)	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2025-2025	4129-9/11/2021	1,112	1,112			1,050		1,050						
18	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Kon Tum; hạng mục: Sửa chữa Nhà làm việc, xây mới 01 phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ.	Trung tâm phát triển quỹ đất	UBND phường Kon Tum	C	P. Duy Tân	2022-202	4528-03/12/2021	2,100	2,100			1,999		4	1,995					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện				Ngân sách huyện	Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
19	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao thành phố Kon Tum; hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc, nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2022-2023	4530-03/12/2021	6,200	6,200			5,244			5,244	2,000		2,000		
20	Đầu tư nâng cấp đường Sư Vạn Hạnh (Đoạn Urê - Trần Phú), thành phố Kon Tum.	Phòng Quản lý đô thị	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	2022-2022	4792-20/12/2021	1,171	1,171			1,112			1,112					
21	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu nhà Hội trường, trụ sở Thành ủy (đề bàn giao cho Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN phường Quyết Thắng)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2021-2022	4779-19/12/2021; 4373-18/11/2022	8,226	8,226			6,989			6,989	1,000		1,000		
22	Đầu tư cơ sở vật chất cho một số trường học chuẩn bị cho năm học mới 2022-2023	Phòng Giáo dục và ĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2022-2023	817- 15/3/2022	9,990	5,248			9,990			5,248	4,742				
23	Lắp đặt hệ thống đèn Led trang trí trên các trụ đèn chiếu sáng công lộ dọc giải phân cách tuyến đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ cầu Đắk Bla đến đường Ngô Đức Đệ) và đường Phan Đình Phùng (đoạn từ Bến xe Kon Tum đến đường Phan Đình Giót), thành phố Kon Tum.	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2022-2022	2214-21/6/2022	1,207	1,207			1,207			1,207					
24	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng; lắp đặt bổ sung một số hạng mục chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố.	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2023-2023	2220-21/6/2022	1,156	1,156			1,155			1,155					
25	Cột cờ Quảng trường 16/3, thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quang Trung	2022-2023	4169-03/11/2022	1,226	1,226			1,211			611	600	10		10	
26	Lắp đặt hệ thống đèn Led trang trí, hệ thống điện chiếu sáng và trồng cây xanh tại một số tuyến đường, khu vực trên địa bàn thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum		TP. Kon Tum	2025-2025	10-05/01/2023	1,140	1,140			1,140	1,058		82	1,058	1,058			
27	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Quyết Thắng	2024-2025	1426-7/7/2023	4,200	4,200			4,200			4,200	1,000		1,000		
28	Xây dựng mới cổng và tường rào Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP Kon Tum	2024-2025	872-19/4/2024	2,522	2,522			2,522			1,322	1,200	1,308		1,308	
29	Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá tại thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum	UBND P. Trường Chinh	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	2023-2024	2291-20/6/2022	2,092	2,092			2,092			2,092	2,092		2,092		
30	Sửa chữa, thay thế các thiết bị điện, điện tử bị hư hỏng của hệ thống điện chiếu sáng công cộng; hệ thống đèn tín hiệu giao thông và cải tạo, sửa chữa Biểu tượng trụ đồng hồ tại nút giao thông Trần Phú - Nguyễn Huệ, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2021	199-25/01/2021	1,000				649			649					
31	Sửa chữa, thay thế các thiết bị điện của hệ thống điện trang trí tại tuyến đường Quốc lộ 14, Quốc lộ 24 (đoạn qua địa bàn thành phố); các Công viên, vườn hoa; các Bờ kè (Kè số 1, số 2 của sông Đắk Bla và Kè chống sạt lở Quốc lộ 24), thuộc địa bàn các phường nội thành thành phố Kon Tum.	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2021	858-30/3/2021	947				784			784					
32	Lắp đặt bổ sung và thay thế các bộ đèn chiếu sáng của hệ thống chiếu sáng công cộng tại các bảng Pa nô “Thành phố Kon Tum kính chào Quý khách” và các đèn chiếu sáng tại khu vực xung quanh đảo giao thông đầu cầu Đắk Bla, thành phố Kon Tum.	Phòng QLĐT	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2021-2021	859-30/3/2021	821				666			666					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMBT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó		
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp
4	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Phan Đình Phùng (đoạn cầu ĐắkBla - Bến xe Kon Tum), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	TP. Kon Tum	2026-2030		73,804	63,037									
5	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum	UBND P. Thống Nhất	UBND phường Kon Tum	C	P. Thống Nhất	Tạm dừng	28-6/01/2023	550	550			550		550				
6	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum	UBND P. Trường Chinh	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	Tạm dừng	645-03/4/2023	671	600			600		600				
7	Đầu tư vỉa hè phía Đông đường Nguyễn Viết Xuân (đoạn từ đường Trường Chinh – đường Trần Nhân Tông), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	P. Trường Chinh	2026-2030	1424-7/7/2023	2,562	2,362			2,362		2,362				
8	Chỉnh trang đô thị khu vực tổ 7 (sắp xếp lại đất đai), phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Kon Tum	C	Phường Thắng Lợi	2026-2030	4376-28/12/2018	15,718	15,718			500		500				
II	Phường Đắk Bla							537,373	501,043	4,596	4,596	86,451		83,049	3,402	5,000		5,000
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							20,211	10,393	4,596	4,596	4,717		4,459	258			
1	Mở rộng điểm trường MN Hòa Mi, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hon Tum, hạng mục xây mới nhà học 3 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	C	Phường Trần H Đạo	2020-2021	2028-27/6/2018	2,093	2,093	896	896	997		997				
2	Kè chống sạt lở dọc đường Nguyễn Lữ, thành phố Kon Tum (phía giáp sông ĐắkBla)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường ĐắkBla	C	P. Thống Nhất	2015-2015	1132-30/10/2015	9,818				258			258			
3	Đầu tư xây dựng khẩn cấp Trường TH-THCS Lê Lợi (cơ sở tiểu học) và Trường mầm non Năng Hồng (điểm trường thôn Kon Rơ Lang).	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	C	P. Lê Lợi và Đắk Bĩa	2020-2021	2303-09/09/2020	8,300	8,300	3,700	3,700	3,462		3,462				
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							448,172	444,383			78,745		75,601	3,144	5,000		5,000
1	Mương thoát nước đầu nối cống xả Đường Phạm Văn Đồng, phường Trần Hưng Đạo	UBND P. Trần Hưng Đạo	UBND Phường Đắk Bla	C	P. T H Đạo	2021-2022	3425-23/12/2020	2,145	2,145			2,120		2,120				
2	Trường Mầm non Năng Mai, thành phố Kon Tum, hạng mục: Nhà học 06 phòng kết hợp khu Hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ.	Phòng Giáo dục và ĐT	UBND Phường Đắk Bla	C	P. Lê Lợi	2022-2023	818-15/3/2022	9,990	7,990			9,990		7,990	2,000			
3	Chợ khu vực phía Nam, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum (định hướng xây dựng chợ đầu mối)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	C	P. Lê Lợi	2020-2021	5734-20/12/2019	14,990	14,990			4,491		4,491				
4	Mở rộng không gian đô thị phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum kết hợp với khai thác quỹ đất.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	B	P. Nguyễn Trãi	2022-2026	5733-20/12/2019;3465-30/9/2021;3493-01/10/2021	409,268	409,268			60,000		60,000		5,000		5,000
5	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Ngõ Ván Sớ đến Nguyễn Tri Phương)	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Bla	C	P. Lê Lợi	2023-2023	2219-21/6/2022	1,789				1,144			1,144			
6	Trường TH-THCS Trần Hưng Đạo (cơ sở cấp THCS), thành phố Kon Tum, hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ + kết hợp các phòng học bộ môn; cải tạo các dãy phòng học; xây mới nhà vệ sinh học sinh; cải tạo, xây mới tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	C	Phường Trần Hưng Đạo	2026-2030	1423-7/7/2023	9,990	9,990			1,000		1,000				
-	Dự án chuẩn bị đầu tư (chưa bố trí vốn thực hiện)							68,990	46,267			2,989		2,989				
1	Nâng cấp, sửa chữa đường A Khanh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Bla	C	P. Trần H Đạo	2026-2030	3082-01/12/2020	14,349										
2	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Ngõ Ván Sớ đến Nguyễn Tri Phương)	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk bla	C	P. Lê Lợi	2026-2030	2219-21/6/2022	1,789	1,789			1,789		1,789				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
3	Đường Ngô Văn Sở (đoạn từ Ngõ Đức Kế -đường Đồng Nai), Phường Lê Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Lê Lợi	2026-2030	3099-01/12/2020	7,335	7,335											
4	Đường Lê Thị Hồng Gấm (đoạn Đặng Tiến Đông - Đồng Nai), phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Lê Lợi	2026-2030	1869-12/7/2017	8,303												
5	Hệ thống thoát nước mưa cụm CN - TTCN làng nghề H'nor phường Lê Lợi, TP Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Lê Lợi	2026-2030	3111-01/12/2020	17,553	17,553											
6	Hệ thống xử lý nước thải cụm CN - TTCN làng nghề H'nor phường Lê Lợi, TP Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Lê Lợi	2026-2030	3110-01/12/2020	18,390	18,390											
7	Nhà làm việc Ban Chi huy Quân sự phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum	UBND P. T HĐạo	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Trần H Đạo	2026-2030	14-05/01/2023	600	600			600		600						
8	Nhà làm việc Ban Chi huy Quân sự phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum	UBND P. Nguyễn Trãi	UBND Phường Đăk Bla	C	P. Nguyễn Trãi	2026-2030	13-05/01/2023	671	600			600		600						
III	Phường Đăk Cẩm							3,488,984	3,236,051	134,734	41,322	512,270	145,703	347,486	19,080	102,804	35,585	65,319	1,900	
*	Bố trí trả nợ quyết toán							102,010	102,010	75,404		1,728	1,565	163		1,565	1,565			
1	Xử lý hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các giao lộ thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2017-2018						7		7						
2	Dự án kế chống sạt lở QL 24 đoạn qua thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2011-2015	1416-10/11/2019;715-29/7/2011	102,010	102,010	75,404		1,721	1,565	156		1,565	1,565			
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							121,363	61,416	59,330	41,322	12,219	253	11,966						
1	Đường Sư Vạn Hạnh, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2018-2019	2593-20/10/2017	25,401	25,401	18,008		253	253							
2	Trường TH-THCS xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	Xã Đăk Cẩm	2020-2020	2998-31/7/2019	11,000	11,000	8,810	8,810	442		442						
3	Trường tiểu học Trần Phú, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2020-2021	2993-31/7/2019	9,900	9,900	5,620	5,620	3,180		3,180						
4	Khắc phục sạt lở đường giao thông kết hợp kè Quốc lộ 24, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2021-2022	2989-31/7/2019	6,633	6,633	200	200	5,049		5,049						
5	Lập quy hoạch chi tiết (điều chỉnh, mở rộng) Cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp Thanh Trung xã Vĩnh Quang (nay thuộc Phường Ngõ Mây), thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Ngõ Mây	2019-2021	2516-16/7/2019	2,621	2,621	293	293	1,356		1,356						
6	Danh mục dự án cứng hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk Cẩm	UBND Phường Đăk Cẩm	C	Xã Đăk Cẩm	2021-2021	5732-20/12/2019; 361-28/2/2020	9,478	5,861	4,400	4,400	103		103						
7	Lò giết mổ gia súc tập trung trên địa bàn thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Ngõ Mây	2020-2021	3013-02/8/2019;6206-30/9/2019;1146-20/5/2024	14,995		13,259	13,259	966		966						
8	Khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu quy hoạch phường Ngõ Mây; Hạng mục: Đường quy hoạch số 10 (đoạn Phan Kế Bình - Phan Đình Phùng)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Ngõ Mây	2017-2021	804-14/8/14	30,479				202		202						
9	Đường vào Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Ngõ Mây	2018-2021	1872-12/7/2017	10,856		8,740	8,740	668		668						
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							1,147,607	1,000,552			483,652	143,885	320,687	19,080	101,239	34,020	65,319	1,900	
1	Đường Trần Khát Chân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND Phường Đăk Cẩm	C	P. Duy Tân	2024-2025	3096-01/12/2020	3,630	3,630			3,618	3,618			1,085	1,085			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMBT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó		
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp
2	Đường Bùi Văn Nê (đoạn Nguyễn Trường Tộ - Phan Đình Phùng), phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2022-2022	3097-01/12/2020; 2639-06/8/2021	2,000	2,000			1,795	1,795					
3	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	UBND P. Duy Tân	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Lê Lợi	2023-2023	17-05/01/2023	841				600		600				
4	Đường vào Trụ sở làm việc các cơ quan thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	B	P. Duy Tân	2021-2026	3432-23/12/2020	129,774	96,191			108,932	81,241	27,691	4,710	4,710		
5	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến Tỉnh lộ 666 cũ (đường Nguyễn Chí Thanh), đoạn qua địa bàn xã Vĩnh Quang, phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây và xã Vĩnh Quang	2022-2022	857-30/3/2021	2,291	2,291			2,176	2,176					
6	Mái che khu giết mổ gia súc tập trung trên địa bàn thành phố Kon Tum và điện chiếu sáng đến khu giết mổ.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây	2022	4529-03/12/2021;489 9-20/12/2022	4,629	4,629			4,629	4,629					
7	Chỉnh trang đô thị đầu tư hạ tầng Khu đô thị mới phía Bắc Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2027	4794-20/12/2021	10,940	10,940			10,940	9,611	1,329	9,672	9,611	61	
8	Nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, tổ dân phố 2, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Sửa chữa nhà bia tưởng niệm, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ.	UBND P. Duy Tân	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2022-2022	2013-02/6/2022	490	490			490	490					
9	Cổng chào cửa ngõ thành phố Kon Tum (Phía Bắc và phía Nam)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND phường Đắk Cấm	C	TP. Kon Tum	2021-2022	203-25/01/2021	8,800	8,800			6,644	6,644		1,999	1,999		
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp -Tiểu thủ công nghiệp phường Ngõ Mây và xã Đắk Cấm, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	B	P. Ngõ Mây và xã Đắk Cấm	2022-2025	2309-28/6/2022; 4336-14/11/2022;218-19/01/2023	105,400	75,400			60,322	41,722	18,600	30,515	22,122	8,393	
11	Đầu tư xây dựng cầu tràn dân sinh trên địa bàn xã Đắk Cấm, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	Xã Đắk Cấm	2022-2023	820- 15/3/2022	5,300	2,300			3,937	937	3,000				
12	Chỉnh trang đô thị dọc tuyến đường Hồ Chí Minh tại thôn Thanh Trung, phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	B	P. Ngõ Mây	2022-2026	4374-28/12/2021;445 4-27/11/2021	102,889	102,889			35,000	35,000		5,000	5,000		
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2021-2026	3130-03/12/2020	30,232	30,232			20,000	20,000		4,156	4,156		
14	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	B	P. Duy Tân và xã Đắk Cấm	2021	1589-03/7/2020;4337-14/11/2022	176,396	176,396			176,396	176,396		40,000	40,000		
15	Trồng hoa giải phân cách đường Võ Nguyên Giáp (đoạn gần ngã 3 Trung tín), thành phố Kon Tum.	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây và xã Đắk Cấm	2021-2021	857-30/3/2021;2641-6/8/2021	1,123				1,060	1,060					
16	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công lộ tại đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Kon Tum (đoạn đường có giải phân cách).	Phòng QLĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây và xã Đắk Cấm	2021-2021	855-30/3/2021	3,286				3,240	3,240					
17	Trường tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Kon Tum; hạng mục: Nhà học 08 phòng và một số hạng mục phụ trợ.	Phòng Giáo dục - ĐT	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây	2021-2022	861-30/3/2021	5,800				5,797	5,797					
18	Trường THCS Nguyễn Huệ, thành phố Kon Tum, Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa hàng rào	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	Xã Đắk cấm	2022-2023	714-10/4/2023;2224 5-31/10/2023	450				450	450					
19	Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải của Lò giết mổ gia súc tập trung trên địa bàn thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Ngõ Mây	2024-2025	1681/QĐ-UBND - 17/7/2024 ; 1521/QĐ-UBND, ngày 18/4/2025	4,950				4,933	4,933	1,900			1,900	
20	Đường Ngõ Thi Nhậm (đoạn U rê - Đình Công Tráng), phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2023-2025	2903-13/11/2020;157 6-31/7/2023	34,022				7,693	7,693		1,202	1,202		
21	Đường Phan Đình Giót nối dài đường vào Trụ sở làm việc các cơ quan thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đắk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	378-14/5/2021	90,300	60,300			20,000	20,000					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMBT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện				Ngân sách huyện	Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tặng thu, TKC...)	Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
22	Chỉnh trang đô thị phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	B	P. Duy Tân	2026-2030	1591-03/7/2020;864-30/3/2021	424,064	424,064			5,000		5,000		1,000		1,000		
-	Dự án chuẩn bị đầu tư (chưa bố trí vốn thực hiện)								2,118,004	2,072,072			14,670		14,670					
1	Đầu tư nâng cấp đường Lê Đức Thọ (đường quy hoạch số 10 cũ), phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Ngõ Mây	2026-2030	4443-26/11/2021	5,089				4,835		4,835						
2	Nâng cấp đường Lương Ngọc Tồn (Đoạn Trần Khánh Dư -Bùi Hữu Nghĩa), phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	2218-21/6/2022	1,193	1,193			1,193		1,193						
3	Đường Trục chính, Cụm CN-TTCN Thanh Trung, P. Ngõ Mây, TP. Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Ngõ Mây	Chưa triển khai	3109-01/12/2020	12,621												
4	Đường Trần Huy Liệu, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum; hạng mục: Mặt đường và hệ thống thoát nước	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	3094-01/12/2020	2,667	2,667											
5	Đường Trương Hán Siêu (đoạn Hàm Nghi - Ure)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	3095-01/12/2020	3,007	3,007											
6	Đường Lương Ngọc Tồn (đoạn Duy Tân - Trần Khánh Dư)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	3093-01/12/2020	7,042	7,042			7,042		7,042						
7	Đường Bùi Hữu Nghĩa (đoạn Ure - Đặng Xuân Phong)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Duy Tân	2026-2030	3092-01/12/2020	10,231	10,231											
8	Trường Mầm non Hoa Sữa, thành phố Kon Tum, hạng mục: Nhà học 08 phòng, nhà hiệu bộ, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Ngõ Mây	2026-2030	4335-11/11/2022;1466-11/7/2023	14,960	14,960			1,000		1,000						
9	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum	UBND P. Ngõ Mây	UBND Phường Đăk Cấm	C	P. Ngõ Mây	Chưa triển khai	244-6/2/2023	900	600			600		600						
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển khu dân cư phía Tây xã Đăk Cấm kết hợp với TTCN thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	B	Xã Đăk Cấm	Chưa triển khai	5731-20/12/2019	279,212	251,290											
11	Chỉnh trang đô thị dọc tuyến tránh đường Hồ Chí Minh tại thôn Thanh Trung, phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm	B	P. Ngõ Mây	2026-2030	4372-28/12/2018;3465-30/9/2020;4454-27/11/2021	217,203	217,203											
12	Chỉnh trang đô thị đầu tư cơ sở hạ tầng kết hợp khai thác quỹ đất khu đất dọc hai bên đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao Tỉnh lộ 671 xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm		Xã Đăk Cấm	Chưa triển khai	4793-20/12/2021	1,499,940	1,499,940											
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng khai thác quỹ đất khu vực phía Bắc phường Ngõ Mây, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND Phường Đăk Cấm		Phường Ngõ Mây	Chưa triển khai	4795-20/12/2021	63,939	63,939											
IV	Xã Đăk Rơ Wa							531,943	461,628			296,661	69,750	213,726	13,185	39,656	13,042	23,407	3,207	
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang											5,885			5,885	3,207			3,207	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Đề án tái định cư, giãn dân các làng đồng bào dân tộc thiểu số nội thành, thành phố Kon Tum (Hạng mục: Hệ thống cấp nước sinh hoạt)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2015-2015	1118-30/10/2015					209			209					
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch cộng đồng làng Kon Ktu xã Đăk Rơ Wa	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2015-2015	3226a-05/10/2015					366			366					
3	Đường vào khu sản xuất gạch ngói thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2014-2016	870-31/10/2013					5,310			5,310	3,207			3,207	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025								410,293	361,654			245,671	69,750	168,621	7,300	36,449	13,042	23,407	
1	Trường TH-THCS xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2021-2022	3045-01/12/2020	11,400	11,400			10,620	10,620							

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)
2	Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum	UBND xã Chư Hreng	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2021-2021	3133-03/12/2020; 863-30/3/2021	4,821	4,012			3,556	3,556							
3	Trường mầm non Năng Hồng, thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2024	3047-01/12/2020;760-10/3/2022; 1812-30/7/2022	14,990	14,990			14,640	14,640			5,401	5,401			
4	Trường TH-THCS Đăk Blă (Cơ sở Tiểu học), thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2023	3048-01/12/2020	8,200	8,200			8,075	8,075							
5	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trường bản, thao trường huấn luyện của lực lượng vũ trang thành phố Kon Tum	Ban CHQS Thành phố	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2023-2025	1427-7/7/2023	4,321	4,321			2,285	2,285							
6	Trường TH-THCS Đăk Rơ Wa (cơ sở cấp Tiểu học), thành phố Kon Tum; hạng mục: Nhà học 02 phòng và một số hạng mục phụ trợ.	Phòng Giáo dục và ĐT	Xã ĐăkRơWa	C	Xã Đăk rơ wa	2022-2022	816-15/3/2022	1,500	1,400			1,404		4	1,400					
7	Trường tiểu học Bế Văn Đàn, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2023	3049-01/12/2020;1807-30/7/2024	20,300	19,285			18,947	9,731	9,216		1,828	1,828			
8	Đường từ Quốc lộ 24 đi khu sản xuất thuộc thôn Kon Jơ Drê, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2023	3105-01/12/2020	10,057	10,057			8,428	4,209	4,219						
9	Xây dựng làng du lịch cộng đồng Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk rơ wa	UBND xã Đăk Rơ wa	C	Xã Đăk Rơ wa	2022-2022	3742-18/10/2021	1,116	1,116			1,000	1,000							
10	Đường liên xã từ trụ sở UBND xã ChưHreng qua khu giãn dân xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2022	3107-01/12/2020	13,044	13,044			3,430		3,430						
11	Đường từ Quốc lộ 24 đi khu sản xuất thuộc thôn Kon Gur, xã Đăk Blă, thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022	3106-01/12/2020	4,962	4,962			3,807	1,850	1,957						
12	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã Chư Hreng	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2021-2021	3046-01/12/2020	6,500	6,500			5,938		5,938						
13	Cống thoát nước đường nội thôn số 3 thôn Kon Klor 2, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum (Đoạn từ nhà A Bao đến khu sản xuất).	UBND xã Đăk rơ wa	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022	854-30/3/2021	1,215	1,215			965		965						
14	Dự án giãn dân các hộ đồng bào dân tộc thiểu số gần với thực hiện tái định canh, định cư, phát triển khu sản xuất nông nghiệp tại xã Đăk Blă, thành phố kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	B	Xã Đăk Blă	2026-2030	3173-07/12/2020; 1701-04/6/2021	115,420	85,420			3,600		3,600		500	500			
15	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	Phòng Quản lý đô thị	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022-2022	2634-6/8/2021	7,177	7,177			6,914		6,914						
16	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tum Kơ Pong 2, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	Phòng Quản lý đô thị	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022-2022	2638-6/8/2021	5,489	5,489			5,359		5,359						
17	Phương án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi trọc trên địa bàn thành phố Kon Tum năm 2021	Phòng Kinh tế	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2021	2818-21/8/2021	8,514	3,500			2,594		2,594						
18	Điểm trao đổi hàng hoá, sản phẩm nông nghiệp của người dân địa phương trên địa bàn xã Đăk Blă.	UBND xã Đăk Blă	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022	3741-18/10/2021	960	960			955		955						
19	Đường đi khu sản xuất và phát triển du lịch núi ChưHreng, thôn KonHraKlah, xã ChưHreng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2022-2026	20/12/2021;2034-06/6/2022	27,546	27,546			27,546	2,813	24,733		15,790	2,813	12,977		
20	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi trọc trên địa bàn thành phố Kon Tum năm 2022	Phòng Kinh tế	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2022	2216-21/6/2022	7,753	6,411			6,669		6,411	258					
21	Sửa chữa Cổng tràn số 01, số 02 thôn Kon Dreì, xã Đăk Blă do ảnh hưởng mưa bão năm 2021	Phòng Kinh tế	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022	2223-21/6/2022	4,200	4,200			4,200		4,200						
22	Trường TH-THCS Đăk Blă (cơ sở cấp Tiểu học), thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nhà vệ sinh	Phòng Giáo dục và ĐT	UBND xã Đăk Rơ Wa		Xã Đăk Blă	2023-2024	246-06/2/2023	500	273			273		273						
23	Đường từ Trường tiểu học KơPaKơLong đến khu sản xuất thuộc thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022	3104-01/12/2020	7,200	7,200			4,288		4,288						

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMBT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)
24	Đường từ Quốc lộ 24 đi khu sản xuất thuộc thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2023	3103-01/12/2020	6,166	6,166			5,289		5,289						
25	Trường TH-THCS Đăk Blă (cơ sở THCS), thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2023	3050-01/12/2020; 1806-29/7/2024	17,900	17,900			17,650	7,480	10,170		1,145		1,145		
26	Trường TH-THCS Đăkrowa (cơ sở THCS), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022-2023	3052-01/12/2020; 1803-29/7/2024	8,200	8,200			8,200		8,200		1,445		1,445		
27	Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk Blă	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2022	4483-29/11/2021	4,500	4,066			4,066		4,066						
28	Nghĩa trang nhân dân xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Đường giao thông nội bộ, Cổng vào nghĩa trang và các hạng mục phụ trợ khác	UBND xã Đăk Blă	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2025	4475-29/11/2021	1,570	1,492			1,526		1,526						
29	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thành phố Kon Tum, hạng mục: Nhà học 05 phòng và các hạng mục phụ trợ.	Phòng GD&ĐT	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2022-2023	835-16/3/2022	4,494	1,994			4,494		1,994	2,500					
30	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2022-2026	2995-31/7/2019; 1588-3/7/2020; 2511-2/8/2021	70,838	70,838			50,000		50,000		6,340		6,340		
31	Đầu tư kết cấu hạ tầng, gắn với khai thác quỹ đất phát triển khu dân cư thôn Kon Gur, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk Blă	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2025-	2215-21/6/2022	2,320	2,320			2,320		2,320		1,000		1,000		
32	Trường MN Nắng Hồng, xã Đăk Blă (điểm trường thôn Kon Dreil) xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nhà học 2 phòng và hạng mục phụ trợ khác	UBND xã Đăk Blă	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2021-2021	202-25/01/2021	1,176				1,142			1,142					
33	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum	UBND xã Chư Hreng	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2023-2023	29-6/01/2023	845				600			600					
34	Trường TH-THCS Đăkrowa (cơ sở Tiểu học), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022-2023	3051-01/12/2020	3,700				3,491	3,491			3,000	3,000			
35	Khắc phục sạt lở Cổng thoát nước đường bê tông số 02, thôn Kon Tum K'Nâm, xã Đăk Rơ Wa do ảnh hưởng mưa bão năm 2021.	Phòng Kinh tế	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2022-2022	2213-21/6/2022	1,400				1,400			1,400					
-	Dự án chuẩn bị đầu tư (chưa bố trí vốn thực hiện)								121,650	99,974			45,105		45,105					
1	Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk rơ wa	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	Chưa triển khai	2633-6/8/2021;709-07/3/2022	5,769	5,147			5,147		5,147						
2	Đầu tu tuyến đường quy hoạch ký hiệu D7 thuộc đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ1/2000) khu thương mại, dịch vụ và dân cư cửa ngõ phi Đông, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blă	2026-2030	NQ40-11/7/2024;441-24/7/2024	28,363	8,363			1,000		1,000						
3	Đường số 01, Cụm CN-TTCN xã Hòa Bình, TP. Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2026-2030	3108-01/12/2020	13,929	13,929			13,232		13,232						
4	Sửa chữa, nâng cấp Đường từ dốc Trà Lét vào thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2026-2030	3059-01/12/2020;1556-28/7/23	18,502	18,000			5,000		5,000						
5	Đường từ Quốc lộ 14 đến đập Đăk Yên, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hòa Bình	2026-2030	3060-01/12/2020	8,536	8,536											
6	Hệ thống đường dây 22kV và điện chiếu sáng tuyến đường đi khu sản xuất thôn Kon Hra Klah, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum.	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Chư Hreng	2026-2030	3244-31/8/2022	9,000	9,000			8,550		8,550						
7	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	UBND xã Hoà Bình	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Hoà Bình	Chưa triển khai	30-6/01/2023	600	600			600		600						

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMBT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện				Ngân sách huyện	Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tăng thu, TKC...)	Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
8	Hệ thống điện chiếu sáng đường vào làng du lịch cộng đồng Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Rơ Wa	2026-2030	1425-7/7/2023	1,800	1,800			1,800		1,800						
9	Đầu tư kết cấu hạ tầng, gắn với khai thác quỹ đất phát triển khu dân cư thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 1, xã Đăk Blá, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk Blá	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blá	Chưa triển khai	2290-20/6/2022;3840-12/10/2022	9,328	8,776			8,776		8,776						
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển khu dân cư thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 1, xã Đăk Blá, thành phố Kon Tum (khu 2)	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Đăk Rơ Wa	C	Xã Đăk Blá	2026-2030	3115-22/8/2022	25,823	25,823			1,000		1,000						
V	Xã Ia Chim							114,660	99,682			76,423	13,400	61,031	1,992	7,721		7,721		
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							1,159	604			604		604						
1	Bê tông hóa các tuyến đường giao thông thuộc khu đất đầu giá thôn Ia Hội, xã Đăk Năng	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	xã Đăk Năng	2021-2021	2517-16/7/2019	1,159	604			604		604						
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							83,271	68,848			64,686	13,400	49,294	1,992	7,721		7,721		
1	Trường TH-THCS xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đoàn Kết	2022-2023	3128-03/12/2020;1809-30/7/2024	9,800	9,800			9,360	2,050	7,310						
2	Đường từ thôn Tân An, xã Ia Chim đi xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Ia Chim	2023-2026	3063-01/12/2020;722-08/3/2022;1810-30/7/2024	17,252	17,252			17,000	5,000	12,000		7,000		7,000		
3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Chim đi xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Ia Chim	2021	3064-01/12/2020	9,884	9,884			7,689		7,689						
4	Đường từ Hội trường thôn Ngõ Thanh đến nhà Ông Điệp, xã Đăk Năng thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nền, mặt nền đường và hệ thống thoát nước	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2021	3437-23/12/2020	580	580			464		464						
5	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk Năng đi xã Ia Chim (đoạn từ đường vào Trụ sở UBND xã Đăk Năng đến cổng chào thôn Ia Hội), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2022	2635-6/8/2021	10,901	10,901			4,601		4,601		695		695		
6	Trường mầm non Hoa Mai, thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đoàn Kết	2022-2023	3127-03/12/2020;1813-30/7/2024	9,500	9,500			8,081		8,081		26		26		
7	Chợ xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	UBND xã Iachim	UBND xã Ia Chim	C	Xã Ia Chim	2021-2022	3129-03/12/2020	7,660	7,660			6,015		6,015						
8	Đường từ nhà Ông Duy đến tuyến đường L1 khu quy hoạch dân cư thôn IaHội, xã Đăk Năng thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2021	3435-23/12/2020	290	290			257		257						
9	Đường từ Trạm Y tế xã đến ngã 3 đường liên thôn thôn IaHội, xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum; Hạng mục: nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2021	3436-23/12/2020	2,200	2,200			2,097		2,097						
10	Đường từ nhà Ông Thi đến tuyến L2 khu quy hoạch dân cư thôn IaHội, xã Đăk Năng thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2021	3472-24/12/2020	550	550			549		549						
11	Sửa chữa tuyến đường GTNT thôn RơWăk, xã Đak Năng (đoạn vào nghĩa địa tập trung của UBND xã Đak Năng); hạng mục: Nền, mặt đường và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2022-2022	4468-28/11/2021	231	231			231		231						
12	Cung cấp hệ thống điện để phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho các hộ dân được giao đất tại Lô 15, 16 thôn Plei Sar, xã Iachim, thành phố Kon Tum	UBND xã Iachim	UBND xã Ia Chim	C	Xã Iachim	2021-2021	200-25/01/2021	510				419		419						
13	Cung cấp nước sạch để phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho các hộ dân được giao đất tại Lô 15, 16 thôn Plei Sar, xã Iachim, thành phố Kon Tum	UBND xã Iachim	UBND xã Ia Chim	C	Xã Iachim	2021-2021	201-25/01/2021	1,000				973		973						
14	Nhà làm việc Ban Chi huy Quản sự xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum	UBND xã Đoàn Kết	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đoàn Kết	2023-2023	15-05/01/2023	600				600		600						

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
15	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk Năng đi xã Ia Chim (đoạn từ đường vào Trụ sở UBND xã Đăk Năng đến công chào thôn Ia Hội), thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	2021-2022	2635-6/8/2021	10,901				5,000	5,000							
16	Đường trục chính nội đồng thôn 7, xã Đoàn kết, thành phố Kon Tum (Đoạn từ đập Cà Tiên đến Trạm bơm Bà Nga)	UBND xã Đoàn Kết	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đoàn Kết	2024-2024	2619-24/10/2023	1,412				1,350	1,350							
-	Dự án chuẩn bị đầu tư (chưa bố trí vốn thực hiện)							30,230	30,230			11,133		11,133						
1	Đường từ thôn Klầu Ngoi Zô đi khu sản xuất, xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Ia Chim	2026-2030	3061-01/12/2020	4,963	4,963											
2	Đường từ thôn Tân An, xã Ia Chim, thành phố Kon Tum đi xã Ia Phí huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ia Chim	C	Xã Ia Chim	2026-2030	3062-01/12/2020	18,175	18,175			4,158		4,158						
3	Cải tạo, mở rộng Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	UBND xã Iachim	UBND xã Ia Chim	C	Xã Iachim	Chưa triển khai	245-6/2/2023	600	600			600		600						
4	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Đăk Năng, thành phố Kon Tum	UBND xã Đăk Năng	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đăk Năng	Chưa triển khai	226-01/2/2023	600	600			600		600						
5	Nghĩa trang nhân dân tập trung xã Ia Chim, thành phố Kon Tum.	UBND xã Iachim	UBND xã Ia Chim	C	Xã Iachim	Chưa triển khai	3721-18/10/2021;1353-27/6/2023	3,560	3,560			3,560		3,560						
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu đất bằng tin thôn Đăk Kia, xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum.	UBND xã Đoàn Kết	UBND xã Ia Chim	C	Xã Đoàn Kết	Chưa triển khai	3246-31/8/2022	2,332	2,332			2,215		2,215						
VI	Xã Ngọc Bay							129,889	119,389	3,300	3,300	98,750	19,414	76,036	3,300	12,070		12,070		
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							5,500	5,500	3,300	3,300	1,512		1,512						
1	Trường THCS Lê Quý Đôn, xã Kroong	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2020-2021	3000-31/7/2019	5,500	5,500	3,300	3,300	1,512		1,512						
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							98,700	88,710			86,492	19,414	63,778	3,300	12,070		12,070		
1	Trường TH-THCS Kroong (Cơ sở THCS), thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Ban QLDA TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021-2022	3054-01/12/2020	6,900	6,900			6,534	6,534							
2	Trường mầm non Vàng Anh, thành phố KonTum	Ban QLDA TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021-2022	3055-01/12/2020	6,500	6,500			5,810	5,810							
3	Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Kroong, thành phố Kon Tum	UBND xã Kroong	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Đăk Rơ Wa	2021-2025	16-05/01/2023	731				600			600					
4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kroong	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021-2022	3132-03/12/2020	6,700	6,700			6,547		6,547						
5	Đường đi khu sản xuất số 1 thôn Trung Nghĩa Đông, xã Kroong, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021	3088-01/12/2020	4,573	4,573			3,740		3,740						
6	Đường đi khu sản xuất số 2 thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021	3125-03/12/2020	1,322	1,322			901		901						
7	Đường đi khu sản xuất số 3 thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021	3126-03/12/2020	1,466	1,466			997		997						
8	Trường TH-THCS Kroong (cơ sở tiểu học), thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021-2022	3053-01/12/2020	10,800	10,800			10,270	2,940	7,330						
9	Trường tiểu học Đặng Trần Côn, thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Ngok Bay	2022-2023	3057-01/12/2020	11,000	11,000			7,778	810	6,968						
10	Trường THCS Hàm Nghi, thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Ngok Bay	2022-2023	3058-01/12/2020;1819-30/7/2024	8,200	8,200			7,790		7,790		1,510		1,510		
11	Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Kroong, thành phố Kon Tum	UBND xã Kroong	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2021-2021	3424-23/12/2020	7,162	4,794			4,554		4,554						
12	Đường đi khu sản xuất số 2 thôn KonHoNgolKlah, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2022-2022	4470-28/11/2021	1,403	1,333			1,333		1,333						
13	Đường đi khu sản xuất suối ĐinJa, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2022-2022	4471-28/11/2021	2,814	2,673			2,732		2,732		66		66		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện		Ngân sách huyện		Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)
14	Đường đi khu sản xuất ĐắkTrum, thôn ĐắkRơĐe, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	Phòng QLĐT	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2022-2023	4467-28/11/2021	2,890	2,746			2,788		2,788		354		354		
15	Đường nội đồng số 2, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2022-2022	4469-28/11/2021	1,217	1,156			1,156		1,156						
16	Chợ trung tâm xã Ngok Bay gắn liền với phát triển khu dân cư, phát triển thương mại, dịch vụ; phát triển quỹ đất để đầu giá tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã.	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2021-2021	5730-20/12/2019; 1586-03/7/2020	9,680	9,680			9,529		9,529		8,460		8,460		
17	Đường nội thôn số 1,2,3,4,5 thôn PleiKlech, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2021-2021	2513-16/7/2019	1,444	1,444			1,190		1,190		1,190		1,190		
18	Đường nội thôn số 3 thôn KonHoNgolKlah, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2021-2021	2514-16/7/2019	167	167			139		139		139		139		
19	Đường nội thôn số 3 thôn MăngLaKơTu, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	2021-2021	2515-16/7/2019	423	283			351		351		351		351		
20	Khu thương mại dịch vụ kết hợp với đất ở kinh doanh, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Vinh Quang	2021-2022	3131-03/12/2020	6,973	6,973			5,733		5,733						
21	Nhà bia tưởng niệm Liệt sỹ xã Kroong; Hạng mục: Sửa chữa Nhà bia tưởng niệm; Cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Kroong	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Kroong	2022-2022	822- 15/3/2022	435				400			400					
22	Trường mầm non Hoa Pơ Lang, thành phố KonTum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Ngok Bay	2022	3056-01/12/2020	3,600				3,320	3,320							
23	Tuyến đường bê tông, thôn Kon Rơ Bàng 1, xã Vinh Quang (bên hông nhà máy đường) do ảnh hưởng mưa bão năm 2021.	Phòng Kinh tế	UBND xã Ngok Bay	C	xã Vinh Quang	2022-2022	2223-21/6/2022	2,300				2,300			2,300					
-	Dự án chuẩn bị đầu tư (chưa bố trí vốn thực hiện)							25,689	25,179			10,746		10,746						
1	Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	UBND xã Ngok Bay	UBND xã Ngok Bay	C	xã Ngok Bay	Chưa triển khai	4455-27/11/2021; 2014-02/6/2022	5,220	4,710			5,021		5,021						
2	Mở rộng khu dân cư nông thôn tại thôn Măng La xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD TP	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Ngok Bay	2026-2030	3135-23/8/2022;1464-11/7/2023	14,969	14,969			500		500						
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng khu dân cư tại thôn Trung Thành, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum.	UBND xã Vinh Quang	UBND xã Ngok Bay	C	Xã Vinh Quang	Chưa triển khai	3245-31/8/2022	5,500	5,500			5,225		5,225						
VII	Phân cấp điều tiết cho cấp xã											128,255		128,255		19,872		19,872		
C	ĐỐI ƯNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA											10,000		10,000		449		449	Phân khai tại Quyết định riêng của các CTMTQG	
D	VỐN CHƯA PHÂN BỐ											29,400		29,400		399,497		399,497		
1	Nguồn sử dụng đất chưa phân bổ											29,400		29,400		399,497		399,497		

Ghi chú (*): Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.
(**): Giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

No	Detail dari Item	Unit of Measure	Uraian	Kategori	Klasifikasi	Kategori		Klasifikasi		Kategori		Klasifikasi		Kategori		Klasifikasi		Kategori	Klasifikasi
						Sub	Detail	Sub	Detail	Sub	Detail	Sub	Detail	Sub	Detail				
1	1000 1000 1000 1000																		
2	1000 1000 1000 1000																		
3	1000 1000 1000 1000																		
4	1000 1000 1000 1000																		
5	1000 1000 1000 1000																		
6	1000 1000 1000 1000																		
7	1000 1000 1000 1000																		
8	1000 1000 1000 1000																		
9	1000 1000 1000 1000																		
10	1000 1000 1000 1000																		
11	1000 1000 1000 1000																		
12	1000 1000 1000 1000																		
13	1000 1000 1000 1000																		
14	1000 1000 1000 1000																		
15	1000 1000 1000 1000																		
16	1000 1000 1000 1000																		
17	1000 1000 1000 1000																		
18	1000 1000 1000 1000																		
19	1000 1000 1000 1000																		
20	1000 1000 1000 1000																		
21	1000 1000 1000 1000																		
22	1000 1000 1000 1000																		
23	1000 1000 1000 1000																		
24	1000 1000 1000 1000																		
25	1000 1000 1000 1000																		
26	1000 1000 1000 1000																		
27	1000 1000 1000 1000																		
28	1000 1000 1000 1000																		
29	1000 1000 1000 1000																		
30	1000 1000 1000 1000																		

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 3.16

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND huyện Tu Mơ Rông (trước sắp xếp)

(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							1,565,675	111,867	-	-	109,397	67,800	35,270	6,327	18,175	10,460	5,388	2,327	
A	NHIỆM VỤ CHUYÊN VỀ TỈNH							-	-	-	-	3,628	-	3,628	-	5,388	-	5,388	-	
1	Thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường									3,628	-	3,628		5,388		5,388		KH năm 2025 giao tăng thêm: 4.800 triệu đồng. Thực tế chưa thực hiện
B	DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN, XÃ (CŨ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VỀ CẤP XÃ (MỚI)							1,565,075	111,267	-	-	105,169	67,800	31,042	6,327	12,787	10,460	-	2,327	HTMT
I	UBND xã Tu Mơ Rông							1,432,713	88,882	-	-	82,831	51,188	31,042	600	8,408	7,808	-	600	
*	Bố trí trả nợ quyết toán							922,848	12,035	-	-	2,042	2,042	-	-	21	21	-	-	
-	Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành đã bố trí 2021-2024		UBND xã Tu Mơ Rông					922,827	12,014	-	-	2,020	2,020	-	-	-	-	-	-	
-	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025							21	21	-	-	21	21	-	-	21	21	-	-	
1	Mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch cho Hợp tác xã thảo dược cộng đồng Tu Mơ Rông	UBND xã Đăk Hà	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2024-2025	513a-17/11/2023	7	7			7	7			7	7			
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND-UBMTTQVN xã Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2024	553-05/12/2023	14	14			14	14			14	14			
*	Dự án chuyển từ giai đoạn 2016-2020 sang							102,100	9,195	-	-	9,294	9,294	-	-	-	-	-	-	
1	Nước sinh hoạt Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2018-2022	1145-31/10/2017	49,500	4,790	-		4,790	4,790			-				
2	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2020-2021	733-31/7/2020 và Quyết định số 1139-06/12/2021	49,500	2,322	-		2,322	2,322			-				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
3	Hệ thống cống thoát nước, trồng cây xanh, khuôn viên vườn hoa, hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2021-2023	425a-04/10/2022; 535-24/11/2023	3,100	2,083	-		2,182	2,182			-				
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							407,765	67,652	-	-	71,495	39,853	31,042	600	8,387	7,787	-	600	
1	Cải tạo các điểm trường, lớp học trên địa bàn huyện (Chi tiết danh mục các trường: Trường PTDTBT TH-THCS xã Ngok Lây, Trường PTDTBT TH-THCS xã Văn Xuôi, Trường Mầm non xã Ngok Lây, Trường TH-THCS xã Đắk Rơ Ông, Trường Mầm non xã Đắk Hà, Trường Mầm non xã Đắk Sao, Trường Mầm non xã Đắk Rơ Ông)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Ngok Lây, Văn Xuôi, Đắk Rơ Ông, Đắk Sao, Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông	2025	191-13/5/2025	3,003	2,203	-		2,203	2,203			2,203	2,203			
2	San lấp, mặt bằng mở rộng diện tích Trường phổ thông Dân tộc nội trú kết hợp bố trí đất ở xã Đắk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2021-2022	188-13/5/2021; 2209/UBND-TCKH-08/10/2021	1,841	1,740	-		1,740	1,740			-				
3	Trường Tiểu học Đắk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2021-2022	294-15/6/2021; 188-27/6/2022	4,800	1,623	-		4,746	4,746			15	15			
4	Đập dâng, kết hợp mặt bằng, đường bố trí dân cư thôn Mố Pá, xã Đắk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2021	400-29/7/2021; 970-01/12/2021	4,950	4,737	-		4,737	4,737			-				
5	Chỉnh trang đô thị: Khuôn viên và trồng cây xanh các tuyến đường, vỉa hè khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2025	981-31/12/2024	5,000	5,000	-		5,000	5,000			5,000	5,000			
6	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2023-2024	556-06/12/2023	2,600	1,763	-		1,763	1,763			-				
7	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2023-2024	126-09/4/2024	1,170	1,170	-		1,170	1,170			-				
8	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Hà	UBND xã Đắk Hà	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đắk Hà	2024	553-05/12/2023	750	750	-		750	750			-				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
9	Trường THCS BT DTTS huyện Tu Mơ Rông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2021-2022	272-03/6/2021; 72-24/3/2022	4,500	3,749	-		4,469	4,469			-				
10	Hội trường Đa Năng xã Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2023-2025	665a/-16/12/2022	2,300	1,104	-		1,104	1,104			568	568			
11	Di dời, tái định cư cho các hộ dân tại 03 xã: Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Đăk Rơ Ông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND, UBMTTQ xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	xã Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Đăk Rơ Ông	2019-2022	1137-17/10/2019; 1188-14/12/2021	69,959	10,000	-		10,000	10,000			-				
12	Trường Mầm non xã Đăk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2021-2022	852-23/11/2021	4,900	100	-		100	100			-				
13	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2022-2023	510-11/11/2022	2,000	1,720	-		1,720	1,720			-				
14	Đường kết hợp kè suối Đăk Ter trung tâm huyện Tu Mơ Rông (các đoạn còn lại)	UBND huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2022-	NQ 59-29/4/2021	77,270	7,270			7,270	-	7,270		-				
15	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch cho HTX thảo dược cộng đồng Tu Mơ Rông	UBND xã Đăk Hà	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2024-2025	513a-17/11/2023	350	350	-		350	350			-				
16	Nước sinh hoạt thôn Đăk Siêng xã Đăk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2025	248-11/6/2025	600	600	-		600	-	600	600				600	
17	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	UBND huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	B	Xã Đăk Hà	2024-	582-04/10/2024	220,000	22,000			22,000	-	22,000		-				Kế hoạch từ nguồn đất chưa được bố trí thực tế
18	Hệ thống cống thoát nước; trồng cây xanh; khuôn viên vườn hoa; hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Tu Mơ Rông	C	Xã Đăk Hà	2023-	1193-09/12/2023	1,772	1,772			1,772	-	1,772		-				Thực tế chưa thực hiện
II	UBND xã Đăk Sao							61,249	7,823	-	-	8,047	8,047	-	-	756	756	-	-	
*	Bổ trí trả nợ quyết toán							41,863	1,253	-	-	1,253	1,253	-	-	224	224	-	-	
-	Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành đã bố trí 2021-2024		UBND xã Đăk Sao					36,249	1,029	-	-	1,029	1,029	-	-	-	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)	
-	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025							5,615	224	-	-	224	224	-	-	224	224	-	-	
1	Nhà làm việc Ban CHQS xã Đắk Sao	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Sao	2024	806/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	1,100	66			66	66			66	66			
2	Đường đi khu sản xuất, thác Siu Pông, xã Đắk Na	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2022-2023	98/QĐ-UBND, ngày 12/04/2023	4,400	44			44	44			44	44			
3	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND – UBMTTQVN xã Đắk Sao	UBND xã Đắk Sao	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Sao	2024	480a-13/11/2023	71	71			71	71			71	71			
4	Mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch cho hợp tác xã du lịch và dược liệu Xanh Siu Pông	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024	694-29/12/2024	1	1			1	1			1	1			
5	Mua máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm cho Hợp Tác Xã Nông Sản Và Thảo Dược Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024	508a-16/11/2023	1	1			1	1			1	1			
6	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND – UBMTTQVN xã Đắk Na	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024	610-01/12/2022	41	41			41	41			41	41			
*	Dự án chuyển từ giai đoạn 2016-2020 sang							14,940	3,336	-	-	3,560	3,560	-	-	-	-	-	-	
1	Dự án Bố trí ổn định dân di cư tự do và sắp xếp dân cư ở vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2020-2021	911-18/9/2020	14,940	3,336	-		3,560	3,560			-				
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							4,446	3,234	-	-	3,234	3,234	-	-	532	532	-	-	
1	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Na	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024	610-01/12/2022	980	980	-		980	980			-				
2	Nâng cấp, Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk sao	UBND xã Đắk Sao	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Sao	2024	480a-13/11/2023	780	780	-		780	780			-				
3	Hội trường Đa Năng xã Đắk Na	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2023-2025	663a-16/12/2022	2,300	1,088	-		1,088	1,088			532	532			
4	Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm cho Hợp Tác Xã Nông Sản Và Thảo Dược Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024-2025	508a-16/11/2023	206	206	-		206	206			-				
5	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch cho Hợp tác xã Dược liệu và Du lịch xanh Siu Pông	UBND xã Đắk Na	UBND xã Đắk Sao	C	Xã Đắk Na	2024-2025	694-29/12/2024	180	180	-		180	180			-				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
										Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)				Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
III	UBND xã Măng Ri							64,509	10,317	-	-	9,824	5,824	-	4,000	992	992	-	-	
*	Bổ trí trả nợ quyết toán							50,295	1,270	-	-	778	778	-	-	13	13	-	-	
-	Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành đã bố trí 2021-2024		UBND xã Măng Ri					49,789	765	-	-	765	765	-	-	-	-	-	-	
-	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025							506	506	-	-	13	13	-	-	13	13	-	-	
1	Mua máy hạ thủy phần mật ong để hỗ trợ nâng cao chất lượng mật ong cho Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp hữu cơ Ngọc Yêu	UBND xã Ngọc Yêu	UBND xã Măng Ri	C	Xã Ngọc Yêu	2024-	537a-28/11/2023	6	6			6	6			6	6			
2	Mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch tại cộng đồng Chung Tam – xã Măng Ri cho Hợp tác xã Được liệu Du lịch Ngọc Linh H80	UBND xã Măng Ri	UBND xã Măng Ri	C	Xã Măng Ri	2024-	420a-16/10/2023	500	500			8	8			8	8			
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							14,214	9,046	-	-	9,046	5,046	-	4,000	978	978	-	-	
1	Hội trường Đa Năng xã Ngọc Lậy	UBND xã Ngọc Lậy	UBND xã Măng Ri	C	Xã Ngọc Lậy	2023-2025	35-19/12/ 2020	2,300	1,136	-		1,136	1,136			-				
2	Hội trường Đa Năng xã Ngọc Yêu	UBND xã Ngọc Yêu	UBND xã Măng Ri	C	Xã Ngọc Yêu	2023-2025	35-19/12/ 2020	2,300	1,136	-		1,136	1,136			-				
3	Hội trường Đa Năng xã Văn Xuôi	UBND xã Văn Xuôi	UBND xã Măng Ri	C	Xã Văn Xuôi	2023-2025	Quyết định 605/qđ-ubnd 1/12/2022	2,300	1,100	-		1,100	1,100			564	564			
4	Hội trường Đa Năng xã Tê Xăng	UBND xã Tê Xăng	UBND xã Măng Ri	C	Xã Tê Xăng	2023-2025	664a-16/12/2022	2,300	1,060	-		1,060	1,060			414	414			
5	Hỗ trợ xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt; Xây dựng đường trong cộng đồng trồng được liệu; mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch tại cộng đồng Chung Tam - xã Măng Ri cho Hợp tác xã Được liệu Du lịch Ngọc Linh H80	UBND xã Măng Ri	UBND xã Măng Ri	C	Xã Măng Ri	2024-2025	594-15/12/2023	500	500	-		500	500			-				
6	Hỗ trợ Mua máy hạ thủy phần mật ong để nâng cao chất lượng mật ong cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hữu cơ Ngọc Yêu	UBND xã Ngọc Yêu	UBND xã Măng Ri	C	Xã Ngọc Yêu	2024-2025	594-15/12/2023	114	114	-		114	114			-				
7	Di tích lịch sử cách mạng căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum; Hạng mục: Hội trường họp Tỉnh ủy Nhà bảo vệ đường giao thông và các hạng mục phụ trợ khác	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Măng Ri	C	Xã Măng Ri	24/12/2024 - 18/8/2025	853-21/11/2024	4,400	4,000	-		4,000	-		4,000	-				
IV	UBND xã Đắk Tơ Kan							6,604	4,245	-	-	4,467	2,739	-	1,727	2,631	904	-	1,727	
*	Bổ trí trả nợ quyết toán							226	226	-	-	226	226	-	-	62	62	-	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tặng thu, TKC...)	
-	Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành đã bố trí 2021-2024		UBND xã Đắk Tô Kan					163	163	-	-	163	163	-	-	-	-	-	-	
-	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025							62	62	-	-	62	62	-	-	62	62	-	-	
1	Nhà làm việc Ban CHQS xã Đắk Tô Kan	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Tô Kan	C	Xã Đắk Tô Kan			62	62			62	62			62	62			
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							6,378	4,019	-	-	4,241	2,514	-	1,727	2,569	842	-	1,727	
1	Trường THCS xã Đắk Tô Kan	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Tô Kan	C	Xã Đắk Tô Kan	2024-2025	504-14/11/2023;69-07/3/2025	1,778	1,778	-		2,000	273		1,727	2,000	273		1,727	
2	Hội trường Đa Năng xã Đắk Tô Kan	UBND xã Đắk Tô Kan	UBND xã Đắk Tô Kan	C	Xã Đắk Tô Kan	2023-2025	662a-16/12/2022	2,300	1,105	-		1,105	1,105			569	569			
3	Hội trường Đa Năng xã Đắk Rơ Ông	UBND xã Đắk Rơ Ông	UBND xã Đắk Tô Kan	C	Xã Đắk Rơ Ông	2023-2025	35-19/12/2020	2,300	1,136	-		1,136	1,136		-					
C	VỐN CHƯA PHÂN BỐ							600	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	
1	Thực hiện đầu tư các công trình nông thôn mới							600	600			600	-	600		-				Thực tế chưa thực hiện

Ghi chú (*): Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.
(**): Giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

đến đây, ý của tác giả là nói rằng, người anh em họ của ông không thể nào quên được những kỷ niệm này. Ông đã viết những câu thơ này để ghi nhớ những kỷ niệm này.

PHỤ LỤC 3.18

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND huyện Đắk Glei (trước sắp xếp)
(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMBĐT	Trong đó (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							819,644	469,178	53,930	53,930	240,052	71,500	121,248	47,304	29,624	10,900	9,420	9,304	
A	DỰ ÁN/NHIỆM VỤ CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH							-	-	-	-	-	-	-	-	6,750	-	6,750	-	
1	Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo đặc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai ...	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường									-				6,750		6,750		Bao gồm giao tăng thu; thực hiện theo tiến độ nguồn thu
B	DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN, XÃ (CŨ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VỀ CẤP XÃ (MỚI)		-		-			819,644	469,178	53,930	53,930	237,562	71,148	121,248	45,166	22,774	10,800	2,670	9,304	HTMT
I	UBND xã Ngọc Linh		-		-			92,748	18,797	8,135	8,135	27,095	12,418	458	14,219	2,000	-	-	2,000	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025		-		-			92,748	18,797	8,135	8,135	27,095	12,418	458	14,219	2,000	-	-	2,000	
1	Đầu tư CSHT vùng ATK Kon Tum - Đắk Glei: Tiểu dự án 2: Đường GT từ làng Mố Bo đi làng Tu Chiêu A xã Mường Hoong và đường GT từ làng Lê Văn đi làng Tân Rát 2 xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong, xã Ngọc Linh	2020-2023	278; 31/10/2016	34,969	3,387	8,135	8,135	500	500			-				Đã QTD AHT
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2022-2024	01; 29/01/2021	8,000	8,000			14,561	7,061		7,500	-				Đã QTD AHT
3	Trường PTDTBT THCS Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2021	2495; 15/12/2020	1,500	1,500			1,500	1,500			-				Đã QTD AHT
4	Trường Tiểu học Mường Hoong (điểm trường chính)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong	2021	934;22/10/2021	1,500	1,500			1,449	1,449			-				Đã QTD AHT
5	Cầu trần thôn cung Rang xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2024	873, 14/11/2023	510	510	-		408	408			-				Đã QTD AHT
6	Hỗ trợ phát triển sản xuất Hợp tác xã nông nghiệp và được liệu Mường Hoong	UBND xã Mường Hoong	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong	2023-2024	975; 11/12/2023	750	750			750	750			-				Chưa QTD AHT
7	Hỗ trợ phát triển sản xuất hợp tác xã nông lâm nghiệp và được liệu Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2023-2024	986; 11/12/2023	750	750			750	750			-				Chưa QTD AHT
8	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2021	2495; 15/12/2020	2,000	2,000			458	-	458		-				Đã QTD AHT
9	Đường GTNT từ đường Ngọc Hoàng-Mãng Bút đi thôn Đắk Nai xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2024	575; 29/5/2024	2,100				2,100	-		2,100	-				Đang thực hiện dở dang

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
10	Sửa chữa đường giao thông từ thôn Làng Mới đi thôn Ngọc Nang xã Mường Hoong	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong	2024	576; 29/5/2024	2,100				2,100	-		2,100	-				Đã QTD AHT
11	Đường GTNT từ đường Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Kon Tuồng, xã Ngọc Linh	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2025	126; 24/1/2025	3,200				2,000	-		2,000	2,000			2,000	Đã bàn giao chưa QTD AHT
12	Đường GTNT từ nhà A Đĩa đến nhà A Tiếp thôn Đắk Bể xã Mường Hoong	UBND xã Mường Hoong	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong	2021	253; 22/7/2020	200	200			200	-		200	-				
13	Nước sinh hoạt thôn Cung Rang xã Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Ngọc Linh	2021	253; 22/7/2020	200	200			200	-		200	-				
14	Đường giao thông từ làng Mô Po đi từ làng Tu Chiêu A, xã Mường Hoong và đường giao thông từ làng Lê Văn đi làng Tân Rát 2 xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei	BQL dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ngọc Linh	C	Xã Mường Hoong, xã Ngọc Linh		278; 31/10/2016	34,969				119	-		119	-				Đã QTD AHT
II	UBND xã Đắk Pék							694,342	420,879	45,795	45,795	183,088	40,890	114,796	27,403	15,334	8,030	-	7,304	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							694,342	420,879	45,795	45,795	183,088	40,890	114,796	27,403	15,334	8,030	-	7,304	
1	Trường THCS Đắk Pék	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2021-2023	934;22/10/2021	5,667	4,200			5,491	3,633	1,122	736	-				Đã QTD AHT
2	Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	B	TT Đắk Glei	2024-2026	34; 18/12/2023	53,100	53,100			1,988	579	1,409		-				Đã QTD AHT
3	Đường giao thông Võ Thị Sáu - Lê Hữu Trác thị trấn Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2025	332;26/3/2025	900	900			900	900			900	900			Đang thực hiện dở dang
4	Đường giao thông từ Trường Mầm non đi vào trụ sở UBND xã Đắk Pék	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2025	311; 26/3/2025	2,800	2,800			2,600	2,600			2,600	2,600			Đang thực hiện dở dang
5	Đường giao thông đi thôn Dên Prông, xã Đắk Pék	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2025	331; 26/3/2025	1,500	1,500			1,500	500		1,000	1,500	500		1,000	Đang thực hiện dở dang
6	Đường vào bãi rác thôn Đắk Tung thị trấn Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2025	343; 26/3/2025	2,040	2,040			2,040	2,040			2,040	2,040			Đang thực hiện dở dang
7	Trường Tiểu học và THCS Lý Tự Trọng	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2025	131; 14/02/2025	4,990	4,990			4,990	1,990		3,000	4,990	1,990		3,000	Đang thực hiện dở dang
8	San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021-2023	344; 14/4/2021	21,280	21,280	-	-	14,170	7,000	1,400	5,770	-				Đã QTD AHT
9	Dự án khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng huyện Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	B	Xã Đắk Pék, TT Đắk Glei	2020-2023	1029; 01/12/2021	79,043	79,043			6,082	2,000	2,552	1,529	-				Đã QTD AHT
10	Trường Tiểu học thị trấn Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2022	380;05/5/2021	8,000	8,000			7,803	7,300		503	-				Đã QTD AHT
11	Nhà làm việc chính Huyện ủy	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021-2023	31; 07/12/2020	23,988	23,988			1,199	937		262	-				Đã QTD AHT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
12	Đường và cầu BTCT qua sông Pô Kô thị trấn Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2019-2020	1227, 30/10/2017	49,940	48,117	45,795	45,795	3,063	3,063		-				Đã QTDÁHT	
13	Nâng cấp cải tạo Đài truyền thanh truyền hình huyện Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021	381; 05/5/2021	6,000	4,000	-		4,000	4,000		-				Đã QTDÁHT	
14	Cầu treo sắt thôn Đắk Dung đi thôn Đồng Sông	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2023	873, 14/11/2023	385	385	-		308	308		-				Đã QTDÁHT	
15	Nắn dòng suối gần nhà rông thôn Đắk Đoát xã Đắk Pék	UBND xã Đắk Pék	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2023	873, 14/11/2023	100	100	-		70	70		-					
16	Hỗ trợ phát triển sản xuất Hợp tác xã sản xuất và thương mại dịch vụ cung ứng được liệu Thuận Tài thị trấn Đắk Glei.	UBND thị trấn Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2024	1326; 01/11/2024	200	200			200	200		-					
17	Hỗ trợ phát triển sản xuất Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ Đắk Glei xã Đắk Pék	UBND xã Đắk Pék	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2024	1327; 04/11/2024	990	990			990	990		-				Chưa QTDÁHT	
18	Đường vào trung tâm huyện Đắk Glei (giai đoạn 1)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021-2024	31; 07/12/2020	13,564	13,564			13,564	-	13,564		-				
19	Cổng hàng rào Trung tâm chính trị	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2020	2496; 15/12/2020	1,200	1,200			1,076	-	1,076		-				
20	Trường TH THCS Lý Tự Trọng	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2025	131; 14/02/2025	1,500	1,500			1,441	-	1,441		-			Điều chỉnh	
21	Dự án: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2021	Phòng NN&PTNT	UBND xã Đắk Pék	C	Các xã	2021-	956; 28/10/2021	9,840	9,840			3,240	-		3,240	-				
24	Dự án: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2021 (bổ sung)	Phòng NN&PTNT	UBND xã Đắk Pék	C	Các xã	2021-	1095;21/12/ 2021	4,458	835			835	-		835	-				
25	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đá bạc màu trên địa bàn huyện Đắk Glei năm 2022	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	UBND xã Đắk Pék	C	Các xã	2021	465; 27/9/2022	23,948	23,948			2,059	-		2,059	-				
26	Khắc phục, sửa chữa tuyến đường DH.83 từ thị trấn Đắk Glei đi xã Đắk Nhoong	UBND xã Đắk Pek	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei, xã Đắk Nhoong	2021	253; 22/7/2020	500	500			500	-		500	-				
27	Sửa chữa Cầu tràn đi sản xuất thôn Đắk Tung thị trấn Đắk Glei	UBND thị trấn Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021	253; 22/7/2020	681	681			681	-		681	-				
28	Nâng cấp, cải tạo Đài truyền thanh - truyền hình huyện Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2021- 2022	381; 05/5/2021	6,000	6,000			1,334	-		1,334	-			Đã QTDÁHT	
29	Cổng tường rào Trung tâm Chính trị huyện	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2021- 2022	2496; 15/12/2020	1,200	1,200			100	-		100	-			Đã QTDÁHT	
30	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND- UBND Thị trấn Đắk Glei	UBND thị trấn Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2024-	155; 02/7/2024	850				850	-		850	-				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
31	Sửa chữa đường giao thông nội thị từ ngã ba đường Hùng Vương đi trung tâm chợ thị trấn Đắk Glei	Phòng KTHT	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2024-	726; 22/7/2024	1,700			1,700	-		1,700	-					
32	Sửa chữa tuyến đường Trường tiểu học Kim Đồng xã Đắk Pék	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	Xã Đắk Pék	2025	132- 14/2/2025	2,500	2,500			2,444	-		2,444	2,444			2,444	Đang thực hiện dở dang
33	Cải tạo khuôn viên trụ sở HĐND-UBND huyện	Văn phòng HĐND-UBND	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2025	129- 12/2/2025	866	866			860	-		860	860			860	Đã QTDAHT
34	Cầu 16/5 thị trấn Đắk Glei huyện Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	B	TT Đắk Glei	2022-2025	1066; 15/11/2021	86,550	16,550			16,450	2,780	13,670	-					Đang thực hiện dở dang
35	Bãi xử lý rác thải huyện Đắk Glei	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	C	TT Đắk Glei	2020-	13; 18/11/2019	15,000	15,000			7,500	-	7,500	-					Đang thực hiện dở dang
36	Đường từ trung tâm thị trấn Đắk Glei đến trung tâm xã Xốp	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Pék	B	TT Đắk Glei	2024-2026	21; 29/4/2021	263,062	71,062			71,062	-	71,062	-					Đang thực hiện dở dang
III	UBND xã Xốp							5,000	5,000	-	-	4,954	4,954	-	-	270	270	-	-	
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							5,000	5,000	-	-	4,954	4,954	-	-	270	270	-	-	
1	Trường tiểu học-THCS xã Đắk Choong (HM: Sửa chữa và làm mới cổng, hàng rào và sân bê tông tại điểm trường thôn Kon Riêng)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Xốp	C	Xã Đắk Choong	2024-2025	980; 11/12/2023	600	600			579	579			55	55			Đã QTDAHT
2	Trường mầm non xã Đắk Choong (HM: Sửa chữa 11 phòng học và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường chính, làm mái che tại điểm trường thôn Đắk Mì)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Xốp	C	Xã Đắk Choong	2024	981; 11/12/2023	1,900	1,900			1,875	1,875			215	215			Đã QTDAHT
3	Trường TH&THCS xã Xốp	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Xốp	C	Xã Xốp	2022	839; 05/9/2021	2,500	2,500			2,500	2,500			-				Đã QTDAHT
IV	UBND xã Đắk Plô							14,190	14,190	-	-	9,382	5,501	500	3,381	2,000	1,500	500	-	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							14,190	14,190	-	-	9,382	5,501	500	3,381	2,000	1,500	500	-	
1	Trường TH và THCS Đắk Nhoong	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Nhoong	2021	839;05/9/2021	1,500	1,500			1,500	1,500			1,500	1,500			Đã QTDAHT
2	Trường TH - THCS xã Đắk Plô	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	xã Đắk Plô	2022	839; 05/9/2022	910	910			907	907			-				Đã QTDAHT
3	Trường TH-THCS xã Đắk Man	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Man	2022	839; 05/9/2023	1,500	1,500			1,500	1,500			-				Đã QTDAHT
4	Tuyến đường từ xã Đắk Nhoong đi xã Đắk Plô	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	xã Đắk Plô	2024	873, 14/11/2023	850	850	-		680	680			-				Đã QTDAHT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
5	Cầu BTCT lý trình: Km12+150 thuộc tuyến đường DH 83- Đắk Nhoong	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Nhoong	2023	873, 14/11/2023	330	330	-		264	264		-				Đã QTDAHT	
6	Trường Mầm non xã Đắk Plô	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	xã Đắk Plô	2022-2023	839; 5/9/2021	-	-	-		650	650		-				Đã QTDAHT	
7	Trường TH THCS xã Đắk Nhoong	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Nhoong	2021	839;05/9/2021	3,400	3,400			500	-	500	500		500		Đã hoàn thành, chưa QT	
8	Khắc phục, sửa chữa Cổng qua đường D100 (Lý trình: Km4+200) tuyến đường ĐH.83 từ thị trấn đi Đắk Nhoong	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Nhoong	2021	253; 22/7/2020	600	600			600	-		600	-				
9	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông từ Trung tâm xã Đắk Plô đi vào Đồn Biên phòng Sông Thanh	UBND xã ĐắkPlô	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Plô	2021	253; 22/7/2020	2,300	2,300			1,300	-		1,300	-				
10	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông xã Đắk Nhoong đi xã Đắk Plô	UBND xã ĐắkPlô	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Nhoong	2021	253; 22/7/2020	500	500			500	-		500	-				
11	Sửa chữa tuyến đường từ trung tâm xã Đắk Plô vào đồn Biên phòng Sông Thanh (Đồn 663)	UBND xã Đắk Plô	UBND xã Đắk Plô	C	Xã Đắk Plô	2022-2023	05; 18/01/2022	2,300	2,300			981	-		981	-				
V	UBND xã Đắk Long							7,204	4,152	-	-	3,785	3,785	-	-	-	-	-		
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							7,204	4,152	-	-	3,785	3,785	-	-	-	-	-		
1	Trường Phổ thông DTBT THCS xã Đắk Long	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Long	C	Xã Đắk Long	2021-2023	839; 05/9/2021	3,052	3,052			1,515	1,515		-				Đã QTDAHT	
2	Đường đi khu sản xuất Đắk Bong-Đắk La thôn Đắk ak, xã Đắk Long	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Long	C	Xã Đắk Long	2023	873, 14/11/2023	1,100	1,100	-		770	770		-				Đã QTDAHT	
3	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Long	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Long	C	Xã Đắk Long	2021-2023	2497;15/12/2020	3,052	-	-		1,500	1,500		-				Đã QTDAHT	
VI	UBND xã Đắk Môn							6,160	6,160	-	-	5,757	3,600	1,994	163	1,000	1,000	-	-	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							6,160	6,160	-	-	5,757	3,600	1,994	163	1,000	1,000	-	-	
1	Trường Tiểu học xã Đắk Môn	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Môn	C	Xã Đắk Môn	2024-2025	1521;05/12/2024	1,000	1,000			1,000	1,000		1,000	1,000			Đã QTDAHT	
2	Trường THCS xã Đắk Kroong	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Môn	C	Xã Đắk Môn	2022-2024	1078; 15/12/2021	-	-			2,440	2,440		-				Đã QTDAHT	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách cấp huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Tiền thu sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
3	Hỗ trợ phát triển sản xuất Hợp tác xã nông nghiệp xã Đắk Kroong	UBND xã Đắk Kroong	UBND xã Đắk Môn	C	Xã Đắk Môn	2023-2024	985; 11/12/2023	160	160			160	160		-					
4	Đường GTNT nội thôn Núi Vai từ nhà rông ra đường HCM (giai đoạn 3)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Môn	C	Xã Đắk Môn	2021	2497; 15/12/2021	2,500	2,500			1,994	-	1,994		-				Đã QTD AHT
5	Đường GTNT nội thôn Núi Vai từ nhà rông ra đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 3)	Ban QLDA - ĐTXD huyện Đắk Glei	UBND xã Đắk Môn	C	Xã Đắk Kroong	2021-2023	2497; 15/12/2020	2,500	2,500			163	-		163	-				Đã QTD AHT
VII	Phân cấp điều tiết cho cấp xã											3,500		3,500		2,170		2,170		
C	ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CÁC CTMTQG											2,390	252	-	2,138	-	-	-	-	Phân khai tại Quyết định riêng của các CTMTQG
D	VỐN CHƯA PHÂN BỐ							-	-	-	-	100	100	-	-	100	100	-	-	
1	Chưa phân bổ											100	100			100	100			

Ghi chú (*): Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.
 (**): Giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 3.19

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND huyện Sa Thầy (trước sắp xếp)

(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							759,446	395,514	32,919	22,919	396,697	66,010	262,064	68,624	184,200	10,497	153,579	20,125	
A	NHIỆM VỤ CHUYÊN VỀ CẤP TỈNH											10,670		10,670		8,900		8,900		
1	Chi nhiệm vụ đo đạc, quản lý đất đai...	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường									10,670		10,670		8,900		8,900		
B	DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN, XÃ (CŨ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VỀ CẤP XÃ (MỚI)							722,976	394,653	32,919	22,919	385,166	66,010	251,394	67,762	175,100	10,497	144,679	19,925	HTMT
I	Xã Sa Thầy							546,007	252,707	22,919	22,919	221,389	49,351	146,918	25,119	101,182	7,832	87,944	5,406	
-	Dự án chuyển từ từ giai đoạn 2016-2020 sang							36,400	36,400	22,919	22,919	11,279	7,279		4,000					
1	Trường Mầm non Hoa Hồng thị trấn Sa Thầy; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, sân vườn và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	2019-2021	1565/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019	6,700	6,700	4,500	4,500	1,898	1,898							
2	Trường Tiểu học - THCS thị trấn Sa Thầy (Hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	2019-2020	388/QĐ-UBND, ngày 06/3/2019	9,000	9,000	6,904	6,904	1,521	1,521							
3	Trường tiểu học-THCS Lê Quý Đôn (nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	2020-2021	945/QĐ-UBND, ngày 11/5/2020	5,600	5,600	4,100	4,100	1,076	1,076							
4	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 06 phòng và mở rộng diện tích theo quy hoạch)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	2020-2021	944/QĐ-UBND, ngày 11/5/2020	6,500	6,500	4,100	4,100	1,994	1,994							
5	Xây dựng công viên cây xanh trước hội trường 19/5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	2020-2021	962/QĐ-UBND, ngày 14/5/2020	8,600	8,600	3,315	3,315	4,790	790		4,000					
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							509,607	216,307			210,110	42,073	146,918	21,119	101,182	7,832	87,944	5,406	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hạt Kiểm Lâm)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021-2022	02/QĐ-UBND, ngày 04/1/2021	12,610	12,610			12,610	1,690	10,920						

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
2	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bể Vần Đăn đến đường Lê Duẩn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021-2023	07/QĐ-UBND, ngày 05/1/2021	7,405	7,405			7,405	2,305	5,100						
3	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021-2023	2631/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020	9,335	9,335			9,335	1,769	1,800	5,766					
4	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021-2022	2628/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020	3,455	3,455			3,455	955		2,500					
5	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Bể Vần Đăn đến ngõ 350)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2022-2023	116/QĐ-UBND, ngày 27/01/2022	10,000	10,000			10,000	10,000							
6	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng Huyện ủy	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2022	73/QĐ-UBND, ngày 20/01/2022	6,192	6,192			6,192	3,000	3,192						
7	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ialy	UBND huyện Sa Thầy	UBND xã Sa Thầy	C	Các xã: Ya Tâng, Ya Xiêr và thị trấn Sa Thầy	2021-2025	674/QĐ-UBND, ngày 29/7/2021	318,000	76,200			76,200	20,353	55,847		55,679	7,832	47,847		
8	Trường TH - THCS xã Sa Sơn. Hạng mục: Nhà vệ sinh, cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Xã Sa Sơn	2022	111/QĐ-UBND, ngày 26/01/2022	1,000	1,000			1,000	1,000							
9	Làm mới Giếng khoan, Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường Mầm non xã Sa Nhon	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Xã Sa Nhon	2024	1826/QĐ-UBND, ngày 27/11/2023	1,000	1,000			1,000	1,000							
10	Xây dựng trụ sở Hạt kiểm lâm (Hoán đổi trụ sở Hạt kiểm lâm cũ đã điều chuyển về cho UBND huyện quản lý)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021	2624/QĐ-UBND 29/12/2020	4,000	4,000			3,824		3,824						
11	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2021-2025	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52,000	52,000			52,000		52,000		36,097		36,097		
12	Đầu tư kết cấu hạ tầng Diêm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2022-2023	1965/QĐ-UBND 13/12/2021	8,500	8,500			7,192		7,192						
13	Hỗ trợ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2022-2024	511/QĐ-BCA-H01 20/01/2022; 4472/UBND-KTTH 17/12/2021	5,700	5,700			3,551		3,043	508					
14	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đài tưởng niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đài tưởng niệm Chư Tan Kra	UBND huyện Sa Thầy	UBND xã Sa Thầy	C	Xã Sơn Sơn, Ya Xiêr	2024-2025	656/QĐ-UBND 27/12/2023	65,000	13,500			11,026		4,000	7,026	8,026		4,000	4,026	
15	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Nhon. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Xã Sa Nhon	2023	370/QĐ-UBND, ngày 30/3/2023	500	500			500			500					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*)	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
									Ngân sách huyện		Ngân sách huyện		Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện		Vốn khác (tăng thu, TKC...)
16	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Sơn. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thủy	C	Xã Sa Nhơn	2023	373/QĐ-UBND, ngày 30/3/2023	500	500			500			500					
17	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trụ sở làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể huyện Sa Thủy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thủy	C	Thị trấn Sa Thủy	2024-2025	1014/QĐ-UBND, ngày 24/5/2024	2,500	2,500			2,431			2,431	1,380			1,380	
18	Sửa chữa nhỏ các hạng mục, hệ thống nhà vệ sinh, cấp nước sạch các trường học trên địa bàn huyện Sa Thủy	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sa Thủy	UBND xã Sa Thủy	C	Xã Sa Thủy	2021	1122/QĐ-UBND, ngày 14/7/2021	1,050	1,050			1,050			1,050					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
19	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước và trồng cây xanh đường Nguyễn Trãi, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Thầy	C	Thị trấn Sa Thầy	2024	1328/QĐ-UBND, ngày 03/7/2024	860	860			839			839					
II	Xã Sa Bình							34,267	34,267			33,253	8,709		24,544	7,860			7,860	
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							34,267	34,267			33,253	8,709		24,544	7,860			7,860	
1	Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2022-2023	231/QĐ-UBND, ngày 04/03/2022	4,309	4,309			4,309	4,309							
2	Trường Tiểu học - THCS xã Sa Nghĩa; hạng mục: Nhà học 02 phòng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Nghĩa	2021-2022	1028/QĐ-UBND, ngày 01/7/2021	600	600			600	600							
3	Sửa chữa nhà học Trường TH - THCS xã Sa Nghĩa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Nghĩa	2023	1897/QĐ-UBND, ngày 11/11/2022	400	400			400	400							
4	Trường PT DTBT THCS Hai Bà Trưng (Hạng mục: 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Bình	2021	2734/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020	2,500	2,500			2,500	2,500							
5	Đường đi khu sản xuất Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ thương mại Tân Hợp	UBND xã Hơ Moong	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2024	1798/QĐ-UBND 06/09/2024	900	900			900	900							
6	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Bình. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Bình	2022	1988/QĐ-UBND 25/11/2022	500	500			500			500					
7	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Hơ Moong. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2022	397/QĐ-UBND 24/03/2022	500	500			500			500					
8	Phân cấp cho cấp xã (Thực hiện các dự án xây dựng nông thôn mới)	UBND xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Bình			1,558	1,558			1,558			1,558					
9	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Nghĩa	2023	372/QĐ-UBND, ngày 30/3/2023	500	500			500			500					
10	Nhà Văn hóa xã Hơ Moong và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2024	1371/QĐ-UBND, ngày 10/7/2024	1,400	1,400			1,400			1,400					
11	Trường Mầm non Sơn Ca; hạng mục: Xây mới 03 phòng học; khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2024-2025	1001/QĐ-UBND, ngày 22/5/2024	3,920	3,920			3,569			3,569	3,169			3,169	
12	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản; hạng mục: Xây mới nhà học hai tầng 04 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2024-2025	1015/QĐ-UBND, ngày 24/5/2024	3,000	3,000			2,807			2,807	2,407			2,407	
13	Trường Mầm non Tuổi Thơ, hạng mục: Xây mới nhà học 03 phòng và các hạng mục phụ trợ điểm trường K'Bay	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2024-2025	1051/QĐ-UBND, ngày 28/4/2024	2,800	2,800			2,649			2,649	2,284			2,284	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT		Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
														Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp		Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC...)
14	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Bình	2021-2022	926/QĐ-UBND, ngày 07/6/2021	2,000	2,000			1,950			1,950						
15	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Sa Thầy năm 2021	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sa Thầy	UBND xã Sa Bình	C	Xã Sa Bình, Hơ Moong, Ya Xiêr, Ya Tăng	2021	1438/QĐ-UBND, ngày 29/9/2021	4,380	4,380			4,258			4,258						
16	Đường giao thông lên khu di tích lịch sử diêm cao 1049, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Sa Bình	C	Xã Hơ Moong	2023-2024	317/QĐ-UBND, ngày 16/3/2023	5,000	5,000			4,852			4,852						
III	Xã Ya Ly							13,479	13,479			10,822	3,750		7,072	1,725	1,725				
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							13,479	13,479			10,822	3,750		7,072	1,725	1,725				
1	Trường Mầm non xã Ya Xiêr. Hạng mục: Sửa chữa nhà học, xây mới cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm trường thôn Thanh Xuân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Xiêr	2024-2025	1891/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020	1,250	1,250			1,250	1,250			940	940				
2	Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chừ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Ly	2024-2025	1843/QĐ-UBND 30/11/2023	1,250	1,250			1,250	1,250			752	752				
3	Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tăng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Tăng	2024	1825/QĐ-UBND 27/11/2023	1,250	1,250			1,250	1,250			33	33				
4	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Sa Thầy năm 2022	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sa Thầy	UBND xã Ya Ly	C	Hơ Moong, Mô Rai, Rờ Koi, Sa Nhom, Ya Ly, Sa Bình, Ya Xiêr, Ya Tăng	2022	1611/QĐ-UBND 01/08/2022	4,681	4,681			2,102			2,102						
5	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Ya Tăng. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Tăng	2022	398/QĐ-UBND 24/03/2023	500	500			500			500						
6	Nhà Văn hóa xã Yaly và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Ly	2022-2023	497/QĐ-UBND 04/4/2022	1,400	1,400			1,322			1,322						
7	Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Ya Ly. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Ly	2023	371/QĐ-UBND, ngày 30/3/2023	500	500			500			500						
8	Bổ sung hỗ trợ xã Ya Ly thực hiện các dự án giao thông và các dự án khác để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới	UBND xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	C	Xã Ya Ly			2,648	2,648			2,648			2,648						
IV	Xã Mô Rai							125,500	90,500	10,000		90,500	2,500	78,974	9,026	53,182		46,523	6,659		
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							125,500	90,500	10,000		90,500	2,500	78,974	9,026	53,182		46,523	6,659		
1	Xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Mô Rai	C	Xã Mô Rai	2023	2027/QĐ-UBND 02/12/2022	2,500	2,500			2,500	2,500								

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú		
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp		Vốn đất huyện	Vốn khác (tăng thu, TKC...)
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xốp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Mô Rai	B	Xã Mô Rai	2020-2025	24/5/2021; 190/QĐ-UBND ngày 12/4/2022;	123,000	88,000	10,000		88,000		78,974	9,026	53,182		46,523	6,659	
IV	Xã Rờ Koi							3,724	3,700			3,700	1,700		2,000	940	940			
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							3,724	3,700			3,700	1,700		2,000	940	940			
1	Sửa chữa 02 dãy nhà học 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Rờ Koi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Rờ Koi	C	Xã Rờ Koi	2024	1892/QĐ-UBND 11/12/2023	1,250	1,250			1,250	1,250			940	940			
2	Đường đi khu sản xuất Hợp tác xã Thái Thanh	UBND xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	C	Xã Rờ Koi	2024	1765/QĐ-UBND 29/8/2024	474	450			450	450							
3	Đường giao thông vào khu di tích lịch sử diêm cao 1015, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND xã Rờ Koi	C	Xã Rờ Koi	2022-2023	1403/QĐ-UBND, ngày 29/8/2022	2,000	2,000			2,000			2,000					
V	Phân cấp điều tiết cho cấp xã											25,502		25,502		10,211		10,211		
C	ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							36,469	861			861			861	200			200	Phân khai tại Quyết định riêng của các CTMTQG

Ghi chú (*): Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.
(**): Giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 3.20

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH, CẤP XÃ)

Đơn vị bàn giao: UBND huyện Ia H'Drai (trước sắp xếp)
(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tỉnh phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tỉnh phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ							504,916	262,538	55,570	47,850	255,119	58,480	170,557	26,082	26,961	8,596	11,000	7,365	
A	DỰ ÁN/NHIỆM VỤ CHUYÊN VỀ TỈNH							-	-	-	-	5,589	-	3,589	2,000	9,100	-	7,100	2,000	
1	Ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay	Ngân hàng CSXH huyện	NHCSXH chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi							-		2,000	-		2,000	2,000			2,000	
2	Thông kê đất đai năm 2023	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									79	-	79		-				2024
3	Công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ia H'Drai	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									24	-	24		-				2024
4	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									100	-	100		-				2024
5	Kinh phí thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai,	Phòng KT&HT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									628		628		-				2022
6	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Phòng TNMT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									156		156		-				2023
7	Kinh phí cho công tác quản lý đất đai (thông kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030.....)	Phòng TNMT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									95		95		-				2023
8	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Phòng TNMT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									492		492		-				2023
9	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Ia H'Drai	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									601	-	601		-				2024
11	Công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, thành phố giai đoạn 2021 - 2030; Công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và năm 2025; Thông kê đất đai năm 2023, năm 2024 của huyện Ia H'Drai	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									460	-	460		-				2024
12	Chi cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện (Nguồn 10% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất địa phương giao tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất năm 2024)	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									83	-	83		-				2024

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
13	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Ia H'Drai	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường									751	-	751	-				2025	
14	Kinh phí Lập kế hoạch SDD năm 2024	Phòng TN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường									120	-	120	-				2023	
16	Chi thực hiện quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, chính lý hồ sơ địa chính;		Sở Nông nghiệp và Môi trường												500		500		Thực tế được thông báo 751trđ	
17	Hỗ trợ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		Sở Nông nghiệp và Môi trường												1,500		1,500		Thực tế chưa triển khai	
18	Hỗ trợ từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chính lý hồ sơ địa chính thường xuyên		Sở Nông nghiệp và Môi trường												5,100		5,100		Giao tăng thêm; thực tế chưa triển khai	
B	DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN, XÃ (CỦ) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYỂN VỀ CẤP XÃ (MỚI)							504,916	262,538	55,570	47,850	215,940	50,205	153,504	12,230	921	321	600	-	HTMT
I	UBND xã Ia Toi							383,817	207,538	44,333	44,333	143,038	40,273	90,535	12,230	421	321	100	-	
-	Bổ trí trả nợ quyết toán							-	-	-	-	624	-	624	-	-	-	-	-	
1	Dự án hoàn thành dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường ĐĐT02, ĐĐT03, ĐĐT08 - Khu trung tâm huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	B	Xã Ia Toi					-		282	-	282	-					
2	Dự án hoàn thành dự án Cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	B	Xã Ia Toi					-		233	-	233	-					
3	Dự án hoàn thành dự án Trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi					-		2	-	2	-					
4	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (Đoạn điểm dân cư số 41 - Trung tâm hành chính xã Ia Toi)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi					-		106	-	106	-					
-	Dự án chuyển từ giai đoạn 2016-2020 sang							81,659	81,659	44,333	44,333	30,035	4,250	22,967	2,818	-	-	-	-	
1	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2020-2022	490; 23/10/2020	4,200	4,200	3,666	3,666	50	-	50	-					DAHTPDQT
2	Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Toi	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2020-2021	498; 30/10/2019 216; 29/5/2020	4,992	4,992	3,313	3,313	543	-	543	-					DAHTPDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó				
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		
3	Cầu Drai (thuộc Đường giao thông nối trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2019-2021	670; 27/9/2018 02; 08/01/2019 192; 12/7/2021	38,116	38,116	31,288	31,288	1,190	1,190			-				DAHTPDQT	
4	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (Đoạn điểm dân cư số 41 – Trung tâm hành chính xã Ia Toi)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2023	668; 31/12/2019 509; 06/11/2020 393; 17/11/2022	26,351	26,351	4,825	4,825	21,526	-	21,526			-				DAHTPDQT
5	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2023	235; 20/8/2021	8,000	8,000	1,240	1,240	6,726	3,060	848	2,818	-					DAHTPDQT
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							262,137	85,859	-	-	81,909	35,239	37,258	9,412	421	321	100	-		
1	Đường ĐĐT33 (N64-N65)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2022	123; 08/5/2021	1,628	1,628	-		1,594	1,594			-					DAHTPDQT
2	Đường ĐĐT36 (N9-N66)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2022	119; 06/5/2021	1,506	1,506	-		1,372	1,372			-					DAHTPDQT
3	Đường ĐĐT37 (N7-N75)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2022	158; 08/6/2021	4,967	4,967	-		4,809	870	3,939		-					DAHTPDQT
4	Đường ĐĐT27 (N40-N53)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	22; 19/01/2022	5,388	5,388	-		5,045	5,045			-					DAHTPDQT
5	Đường ĐĐT30 (N52-N54)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	198; 21/7/2021 21; 19/01/2022	3,808	3,808	-		3,617	3,617			-					DAHTPDQT
6	Đường ĐĐT31 (N57-N54)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2024	236; 20/8/2021 282; 27/7/2022	7,947	7,947	-		7,791	1,464	3,701	2,626	-					DAHTPDQT
7	Đường ĐĐT32 (N55-N58)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	211; 30/7/2021 36; 15/02/2022	4,842	4,842	-		4,715	2,554	712	1,449	-					DAHTPDQT
8	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	125; 11/5/2021 286; 04/8/2022	1,215	1,215	-		1,157	88	1,069		-					DAHTPDQT
9	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	134; 13/5/2021	4,155	4,155	-		3,900	1,200	2,700		-					DAHTPDQT
10	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	133; 12/5/2021	750	750	-		750	50	700		-					DAHTPDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Năm 2025				Ghi chú	
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tăng thu, TKC...)
11	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-2023	237; 20/8/2021 379; 29/11/2021	4,340	4,340	-		4,335	1,740	2,595	-				DAHTPDQT	
12	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Dom	2021-2022	371; 18/11/2021 431; 15/12/2022	11,163	11,163	-		11,163	8,810	1,670	683	-				DAHTPDQT
13	Bãi rác tập trung (Hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	77; 28/3/2022	1,292	1,292	-		1,184	-	1,184	-				DAHTPDQT	
14	Đầu tư đường ống cấp III trung tâm huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2023	337; 08/10/2022	4,928	4,928	-		4,602	-	1,740	2,862	-				DAHTPDQT
15	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2021	Phòng NN&PTNT	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	256; 15/9/2021		3,832	1,710	-		477	-		477	-				DAHTPDQT
16	Dự án trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Ia H'Drai	Phòng NN&PTNT	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021	253; 11/9/2021	288	288	-		290	-		290	-				DAHTPDQT
17	Chỉnh trang, di dời, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021	218; 03/8/2021	926	926	-		926	-		926	-				DAHTPDQT
18	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	UBND xã Ia Dom	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021	165; 11/06/2021	367	100	-		100	-		100	-				DAHTPDQT
19	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Dom	2024	257; 08/12/2023	275	250	-		250	250			-				DAHTPDQT
20	Dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn xã Ia Dom năm 2022	UBND xã Ia Dom	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Dom	2022-2025	412; 30/11/2022	149	50	-		54	-	54		-				
21	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2024	259; 08/12/2023	900	850	-		850	850			-				DAHTPDQT
22	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn xã Ia Toi năm 2022	UBND xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2025	356; 25/10/2022	322	106	-		109	-	109		-				
23	Sửa chữa Hội trường trung tâm, trụ sở khối Huyện ủy, HĐND- UBND huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2024-2025	260; 11/12/2023 20; 06/12/2025	4,000	4,000	-		4,000	4,000			321	321			DAHTPDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			Ghi chú
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
24	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-2024	1089; 23/11/2021 781; 27/12/2023	43,267	4,767	-	-	1,735	1,735			-				DAHTPDQT
25	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	UBND huyện Ia H'Drai	UBND xã Ia Toi	B	Xã Ia Toi	2024-2027	650; 12/11/2024	149,882	14,882	-	-	14,882	-	14,882		100		100		DAHTPDQT
26	Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) xây dựng vị trí mở rộng Điểm dân cư số 45 xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	UBND xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi									46	-	46		-				2021
27	Trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất (đất trồng lúa) dự án xây dựng điểm dân cư số 64	Phòng TN&MT	UBND xã Ia Toi									99	-	99		-				2024
28	Lập đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Điểm dân cư nông thôn số 42 xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai:	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Toi									646	-	646		-				2022
29	Lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Điểm dân cư nông thôn số 66 xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	UBND xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi									586	-	586		-				2024
30	Cắm mốc phân lô đất ở các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn (Điểm dân cư số 46, Xã Ia Toi)	Phòng KTHH	UBND xã Ia Toi									235	-	235		-				2022
31	Trích đo địa chính thửa đất Phục vụ công tác đấu giá Quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại lô đất ONT thuộc điểm khu dân cư công nhân số 2, tại thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Toi									34	-	34		-				2022
32	Lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Điểm dân cư nông thôn số 66 xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Toi									300		300		-				2022
33	Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) xây dựng vị trí mở rộng Điểm dân cư số 45 xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	UBND xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi									257	-	257		-				2022
-	Dự án bố trí vốn CBBT (chưa bố trí vốn thực hiện)							40,021	40,021	-	-	30,471	784	29,687	-	-	-	-	-	
1	Đường ĐĐT20 (N39-N30)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-	172; 12/6/2021	4,230	4,230	-	-	200	200			-				
2	Đường ĐĐT21 (N40-N30)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-	232; 13/8/2021	5,957	5,957	-	-	5,957	200	5,757		-				
3	Đường ĐĐT22 (N32-N33)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-	171; 11/6/2021	1,968	1,968	-	-	129	129			-				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			Ghi chú
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
4	Đường ĐĐT23 (N34-N35)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-	197; 21/7/2021	1,968	1,968	-		127	127			-				
5	Đường ĐĐT24 (N37-N36)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2021-	199; 21/7/2021	1,968	1,968	-		128	128			-				
6	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường điểm dân cư số 64). Hạng mục: Nhà ở bán trú và các hạng mục phụ trợ khác	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-	459; 20/12/2022	4,000	4,000	-		4,000	-	4,000		-				
7	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2022-	371; 05/11/2022	7,930	7,930	-		7,930	-	7,930		-				
8	Mở rộng Quốc lộ 14C (Đoạn từ ĐĐT25 đến cầu Suối Đá)	BQL Đầu tư và Xây dựng	UBND xã Ia Toi	C	Xã Ia Toi	2019-	185; 22/4/2020	12,000	12,000	-		12,000	-	12,000		-				Chuyển tiếp từ GD 2015-2020 sang
II	UBND xã Ia Đal							121,098	55,000	11,238	3,518	50,007	9,932	40,075	-	-	-	-	-	
-	Dự án chuyển từ giai đoạn 2016-2020 sang								4,075	11,064	3,344	736	-	736	-	-	-	-	-	
1	Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2019-2021	880- 23/8/2019	11,795	4,075	11,064	3,344	736	-	736		-				DAHTPDQT
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025							14,350	14,176	-	-	15,024	9,932	5,091	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2024	258- 08/12/2023	260	250	-		250	250			-				DAHTPDQT
2	Dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn xã Ia Đal năm 2022	UBND xã Ia Đal	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2022-2025	377- 10/11/2022	300	136	-		145	-	145		-				Công trình đang lập hồ sơ quyết toán
3	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2021-2023	248- 08/9/2021	5,160	5,160	-		5,005	2,200	2,805		-				DAHTPDQT
4	Trường Mầm non Măng Non xã Ia Đal. Hạng mục: Nhà học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2022-2023	415- 05/12/2022	3,680	3,680	-		3,680	3,190	490		-				DAHTPDQT
5	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: Nhà ở bán trú và các hạng mục phụ trợ khác	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	2023-2024	416- 05/12/2022	4,950	4,950	-		4,781	4,292	489		-				DAHTPDQT
6	Đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp phục vụ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai) và công trình Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal									395	-	395		-				2022
7	Kinh phí thực hiện đo đạc 12 điểm dân cư do Chi nhánh 716, Bình đoàn 15 đang quản lý tại xã Ia Đal	Phòng KTHH	UBND xã Ia Đal									454	-	454		-				2022

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh (**)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm thực hiện theo quyết định đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Năm 2025				Ghi chú
							Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó (*) Ngân sách huyện	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NSH	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó			
													Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác (tăng thu, TKC...)	
8	Trích đo địa chính thừa đất phục vụ công tác thu hồi, giao đất; Đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp phục vụ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác xây dựng công trình: Dự án xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2 - Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal								313		313		-				2022	
-	Dự án bố trí vốn CBDT (chưa bố trí vốn thực hiện)							106,748	36,748	174	174	34,248	-	34,248	-	-	-	-	-	
1	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư số 20, xã Ia Đal	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	C	Xã Ia Đal	292-31/7/2019		2,500	2,500	174	174	-	-			-				Công trình đã thực hiện xong bước chuẩn bị đầu tư
2	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	BQL ĐT&XD	UBND xã Ia Đal	B	Xã Ia Đal	2022-2025	43-29/4/2021; 1089-23/11/2021	104,248	34,248	-		34,248	-	34,248		-				Dự án chưa được bố trí vốn
III	Phân cấp điều tiết cho xã											22,894		22,894		500		500		
C	ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CÁC CTMTQG							-	-	-	-	32,590	8,275	12,463	11,852	13,640	8,275	-	5,365	Phân khai tại Quyết định riêng của các CTMTQG
-	Xã Ia Toi		UBND xã Ia Toi		Xã Ia Toi					-		27,869	7,855	8,814	11,200	12,568	7,855	-	4,713	
-	Xã Ia Đal		UBND xã Ia Đal		Xã Ia Đal					-		4,721	420	3,649	652	1,072	420	-	652	
D	VỐN CHƯA PHÂN BỐ							-	-	-	-	1,000	-	1,000	-	3,300	-	3,300	-	
1	Đối ứng các dự án thuộc CTMTQG chưa phân bổ											-				3,300		3,300		Chưa phân bổ chi tiết
2	Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng các công trình											1,000	-	1,000		-				Giao kế hoạch nhưng chưa triển khai

Ghi chú (*): Chuẩn xác sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư dự án.
(**): Giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

[illegible]

[illegible]

Đã được 75 thành viên của cộng đồng đánh giá là một bài viết hay và bổ ích.